Mục lục

1. Tổng quan diễn biến giá cà phê tháng 10/2015.....*3*

Biên soạn: Trần Khải Nam Trung - Huỳnh Nhật Hà

2. Các yếu tố ảnh hưởng tới giá cà phê trong tháng 10 và những tháng cuối năm.....*12*

Biên soạn: Huỳnh Nhật Hà – Trần Khải Nam Trung – Lê Thị Mỹ Tâm

3. Tóm lược tình hình Ngành cà phê Việt Nam trong tháng 10/2015.....*26*

Biên soạn: Trần Khải Nam Trung

4. Báo cáo tổng quan cà phê toàn cầu tháng 10 của Tổ chức cà phê quốc tế (ICO) *30*

Biên soạn: Trần Thiên

5. Triển vọng giá cà phê tháng 11/2015 .....*32*

Biên soạn: Trúc Gia - Trần Hoàng Dũng

6. Khuyến nghị tháng 10/2015.....37

Biên soạn: CTCP Nhịp điệu Toàn cầu 123 – 123 Global

7. Nâng cao vai trò của phụ nữ trong ngành cà phê.....41

Biên soạn:Lê Thị Mỹ Tâm

8. Vài suy nghĩ về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) 51

Biên soạn: Trúc Gia

9. Tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đối với ngành hàng cà phê Việt Nam 62

Biên soạn: Dương Văn Quý

Tài liệu tham khảo: Nội dung cơ bản của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) 69

Biên soạn: Báo điện tử Chính phủ

Tổng quan
Diễn biến giá cà phê tháng 10/2015

Trần Khải Nam Trung – Huỳnh Nhật Hà
123 Global – www.123chienluoc.com

(123 GLOBAL) - Tiền tệ và thời tiết là các yếu tố lèo lái giá cà phê trong tháng 10/2015 và các yếu tố đó sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới tâm lý nhà kinh doanh cà phê trong thời gian tới.

Nửa đầu tháng 10/2015 – Giá cà phê tăng

Giá cà phê đã tăng trong hầu hết thời gian đầu tháng 10, nhờ vào 3 yếu tố chính sau đây:

1. Đồng USD yếu sau khi dữ liệu việc làm trong tháng 9 được công bố yếu kém và Biên bản cuộc họp FOMC tháng 9 ghi nhận thông tin bất lợi, cản trở việc Fed sớm tăng lãi suất.
2. Đồng tiền cà phê, đặc biệt là BRL tăng giá do USD suy yếu và do Tổng thống Brazil bà Dilma Rousseff được Quốc hội Brazil thông qua hầu hết các khoản cắt giảm ngân sách, cải cách trợ cấp và tăng thuế theo kế hoạch của nhóm kinh tế của bà Rousseff nhằm kiềm chế chi tiêu chính phủ và lạm phát.

   Sự tăng giá của đồng nội tệ của các nước sản xuất cà phê khác cũng đã thúc đẩy đà tăng của giá cà phê trong nửa đầu tháng 10.

Hình 1 - Đồng BRL tăng giá trong nửa đầu tháng 10

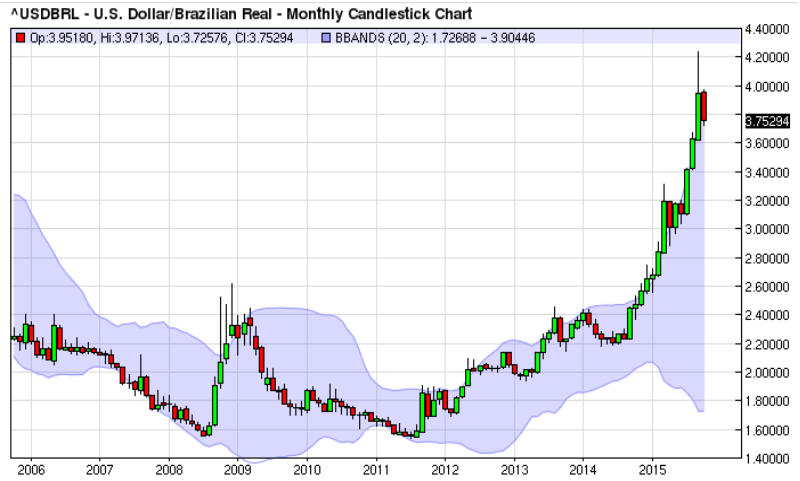

Nguồn: *Barchart, 2015*

3. Trung tâm Dự báo Khí hậu Mỹ khẳng định 95% khả năng hiện tượng El Nino sẽ kéo dài đến giữa tháng 3 năm 2016, làm tăng kỳ vọng sản lượng cà phê tại Indonesia và Việt Nam có thể bị ảnh hưởng. Các nhà khí tượng Mỹ dự báo lượng mưa hạn chế đến ngày 22/10/2015 tại một số vùng trồng cà phê Brazil, điều này làm tăng quan ngại đối với tiềm năng sản lượng cà phê và gây sức ép lên giai đoạn cà phê ra hoa cho niên vụ 2016/17, dù vẫn có thời gian để cải thiện tình hình.

Giá cà phê tăng giá lạc quan trong nửa đầu tháng 10 do đồng USD giảm giá, đồng nội tệ của Brazil (BRL) cùng các đồng tiền cà phê khác hồi phục so với USD và các dự báo thời tiết khô hạn tại các vùng trồng cà phê Brazil.

Nửa sau của tháng 10 – Giá cà phê đảo chiều

Giá cà phê đã đảo chiều giảm từ nửa sau tháng 10 do các yếu tố nêu trên đảo chiều, tác động xấu đến thị trường.

1. Đến phiên ngày 16/10/2015, các thị trường cà phê bắt đầu đảo chiều giảm giá trở lại do các báo cáo thời tiết mới nhất cho biết khả năng có mưa đều đặn về cuối tháng tại các vùng trồng cà phê chính ở Brazil. Mưa bắt đầu xuất hiện tại một số vùng cà phê chủ yếu tại các bang São Paulo và Minas Gerais, bản đồ hình ảnh radar do hãng Ipmet tại Brazil công bố. Hãng dự báo thời tiết uy tín tại Brazil là Somar và nhiều hãng khác tại Mỹ đồng loạt dự báo mưa tại vành đai cà phê Brazil trong giai đoạn cuối tháng 10.

Các yếu tố vĩ mô đảo chiều trong nửa sau tháng 10 đã khiến giá cà phê giảm mạnh. Dự báo thời tiết có mưa tại Brazil cũng là tác nhân khiến giá cà phê giảm mạnh.

2. Đồng real của Brazil cũng bắt đầu giảm giá trở lại so với đồng USD sau khi tín nhiệm nợ công Brazil đã bị hãng đánh giá tín nhiệm Fitch hạ xuống mức BBB-, còn cách 2 nấc so với hạng rác. Bên cạnh đó, Chính phủ Brazil thay đổi mục tiêu ngân sách năm nay từ mức thặng dư xuống mức thâm hụt do không thể củng cố tài chính quốc gia. Các tờ báo lớn nhất Brazil đồng loạt đưa tin chính

phủ sẽ điều chỉnh mục tiêu ngân sách lần thứ ba, dự báo thâm hụt trừ thanh toán lãi suất có thể vượt trên mức 50 tỷ real (13 tỷ USD). Mức thâm hụt này có thể lên đến 90 tỷ real trong kịch bản tồi tệ nhất, tính cả trường hợp chính phủ trả hết nợ cho các ngân hàng.

3. Đồng USD quay đầu tăng giá mạnh mẽ sau khi ECB phát tín hiệu tiếp tục nới lỏng định lượng khiến đồng EUR bị bán tháo và Ngân hàng nhân dân Trung Hoa (BPOC) hạ lãi suất khiến Nhân dân tệ tiếp tục lao đao. Ngày 23/10/2015, BPOC đã hạ lãi suất nộp tiền và lãi suất cho vay một năm lần lượt 0,25% xuống 1,5% và 4,35%, động thái hạ lãi suất thứ 6 của Trung Quốc kể từ tháng 11 năm ngoái. Yêu cầu dự trữ ngân hàng cũng được hạ 50 điểm cơ bản.

Hình 2 - Chỉ số USD tăng là nguyên nhân khiến giá cà phê giảm

Nguồn: *123 Global, 2015*

Hình 3 - EUR giảm là nguyên nhân khiến giá cà phê giảm

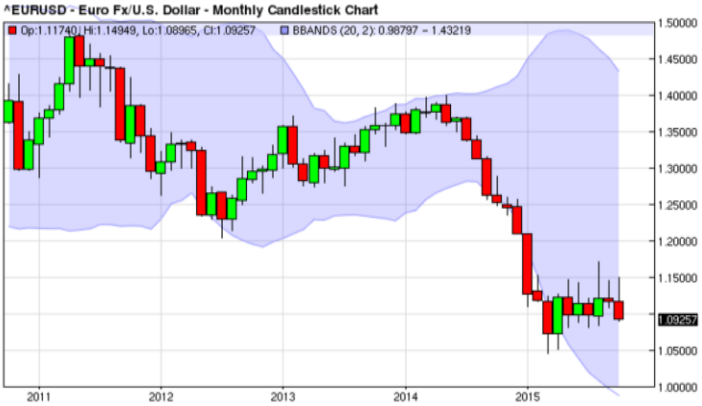

Nguồn: *123 Global, 2015*

Trong cuộc họp FOMC tháng 10, Fed quyết định giữ nguyên lãi suất điều hòa vốn ở mức gần bằng 0 đồng thời phát tín hiệu xem xét nghiêm túc việc tăng lãi suất trong kỳ họp cuối năm 2015. Đồng USD tăng giá mạnh sau động thái của Fed.

Hình 4 - Fed không tăng lãi suất điều hóa vốn từ năm 2006

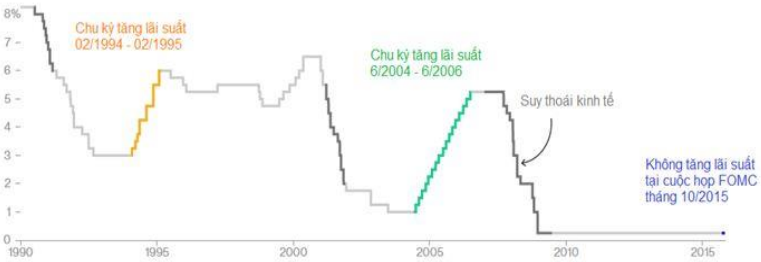

Nguồn: *123 Global, 2015*

Ngoài 3 yếu tố chính nêu trên, một số yếu tố khác cũng làm gia tăng đà giảm của giá cà phê. Trong đó, áp lực chốt lời trước kỳ họp FOMC tháng 10 của Fed, chốt lời do giá cà phê tăng lên các vùng kháng cự mạnh vào giữa tháng, tồn kho cà phê chứng nhận giảm và do các thay đổi về quy định xuất khẩu cà phê ở Colombia có thể thúc đẩy nguồn cung cà phê cho các thị trường thế giới, làm gia tăng sức ép lên giá cà phê.

Liên đoàn Cà phê quốc gia Colombia (FNC) báo cáo 18% cà phê Colombia không đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng so với mức 10% trung bình. Do đó, FNC sẽ hạ tiêu chuẩn chất lượng để đảm bảo có thêm cà phê được xuất khẩu.

Như vậy, giá cà phê đảo chiều giảm mạnh từ 16/10 đến 27/10 do các yếu tố từng làm giá cà phê tăng trong đầu tháng đã thay đổi theo chiều ngược lại. Đợt giảm giá này khiến tâm lý nhà nông và doanh nghiệp hoang mang.

Hình 5 - Giá cà phê Arabica giảm giá trong suốt 14 tháng qua

Nguồn: *Barchart, 2015*

3 ngày cuối tháng 10 – Robusta tăng vọt

Cuối tháng 10, giá cà phê bất ngờ đảo chiều tăng. Chủ yếu là sự giá cà phê Robusta tăng mạnh với các lý do:

- Tình trạng kháng giá tại thị trường Việt Nam dù có áp lực nguồn cung cà phê vụ mới trong khi tồn kho cà phê Robusta trong người nông dân và nhà xuất khẩu còn khá lớn.
- Dự báo hiện tượng El Nino mạnh lên có thể gây khô hạn tại một số tỉnh Tây Nguyên, vùng trồng cà phê chính của Việt Nam.
- Dự báo lượng mưa ít ỏi tại các vùng trồng cà phê Robusta tại Brazil.
- Hôm 27/10, tồn kho cà phê Robusta được chứng nhận tại sàn giao dịch London đã giảm thêm 40 tấn, xuống đăng ký tồn kho ở 201.410 tấn. Trong khi tồn kho cà phê Arabica được chứng nhận tại sở giao dịch hàng hóa New York cũng giảm 8.370 bao, xuống đăng ký ở 1.900.683 bao. Đây cũng là thông tin hỗ trợ cho giá cà phê trong ngắn hạn.
- Tâm lý nhà đầu tư và kinh doanh cà phê nhẹ nhõm hơn sau phiên họp FOMC tháng 10 của Fed đã quyết định chốt lời các lệnh bán khống trước đó và mua mới trước thông tin bất lợi về thời tiết.
- Báo cáo xuất khẩu cà phê tháng 10 của Việt Nam giảm và sản lượng xuất khẩu niên vụ 2014/2015 của Việt Nam giảm cả lượng lẫn giá.
- Đồng USD giảm nhẹ lại và các đồng tiền cà phê cũng hồi phục đôi chút trong 3 ngày cuối tháng.

- Tác động của việc ký kết Hiệp định TPP góp phần củng cố vị thế ngành cà phê Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời thúc đẩy nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp.

Hình 6 - Giá cà phê Robusta tăng mạnh trong 3 ngày cuối tháng 10

Nguồn: *Barchart, 2015*

Cùng thời điểm, giá cà phê Arabica chỉ hồi phục nhẹ từ 3 đến 5 cent tùy kỳ hạn và chốt lại tháng 10/2015 với mức giảm 42% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong tháng 10, giá cà phê Arabica giao tháng 12 tại sàn ICE Futures US ở New York dao động trong biên độ 137,60 – 116,30 cent/lb và đóng cửa ít thay đổi so với đầu tháng, ở mức 120,95 cent/lb. Trong khi đó, giá cà phê Robusta giao tháng 1/2016 tại sàn ICE Futures Europe tại London dao động trong khoảng 1.664 – 1.543 USD/tấn, tăng gần 100 USD/tấn so với đầu tháng, nhưng vẫn giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê nhân xô tại Tây Nguyên mở cửa tháng 10 trong khoảng 34 - 35 triệu đồng/tấn, duy trì tăng ổn định lên vùng 36 - 37 triệu đồng/tấn vào ngày 16/10/2015. Sau đó giá cà phê thế giới bắt đầu giảm mạnh nên giá cà phê trong nước cũng giảm về dưới 35 triệu/tấn, có phiên ghi nhận mức giảm lên đến 1 triệu đồng/tấn. Nhưng đến ngày 31/10/2015, giá cà phê trong nước đã bật tăng mạnh trở lại khu vực 36,2 – 36,5 triệu đồng/tấn. Như vậy, giá cà phê nhân xô vẫn vững trên 35 triệu/tấn và giảm ít hơn so với giá cà phê thế giới, với mức giảm khoảng 12 – 15%.

"Giá cà phê đã biến động mạnh trong tháng 10/2015, tăng vào đầu tháng, giảm từ giữa tháng và tăng mạnh trong 3 ngày cuối tháng. Các yếu tố tiền tệ và thời tiết là các yếu tố chi phối giá cà phê trong hiện tại và cả trong những tháng cuối năm 2015"

Theo 123 GLOBAL

Các yếu tố ảnh hưởng tới giá cà phê trong tháng 10 và những tháng cuối năm

Huỳnh Nhật Hà – Trần Khải Nam Trung – Lê Thị Mỹ Tâm
123 Global – www.123chienluoc.com

(123 GLOBAL) - Tháng 10, giá cà phê chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự tác động của nhiều yếu tố vĩ mô toàn cầu và do các thông tin thời tiết tại các vùng trồng cà phê chính trên thế giới.

Sự kiện và diễn biến kinh tế toàn cầu

Fed chuẩn bị thắt chặt tiền tệ, trong khi đó phần còn lại của thế giới theo đuổi chính sách nới lỏng đã khiến đồng USD giữ vững sức mạnh so với hầu hết các đồng tiền khác trong rổ tiền tệ và khiến đồng nội tệ của các nước sản xuất cà phê suy yếu. Nhìn chung, diễn biến trên thị trường toàn cầu đang bất lợi cho giá cà phê.

1. Chính sách tiền tệ của Fed

Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) thuộc Cục dự rữ liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ lãi suất không đổi và phát tín hiệu sẽ xem xét một cách nghiêm túc việc tăng lãi suất điều hòa vốn vào cuộc họp cuối cùng của năm 2015 vào ngày 15 – 16/12.

Trong thông cáo sau cuộc họp tháng 10, Fed đã thay đổi khiến các nhà phân tích tin rằng Fed đang chuẩn bị tâm lý cho nhà đầu tư về lần thắt chặt tiền tệ đầu tiên sau 9 năm.

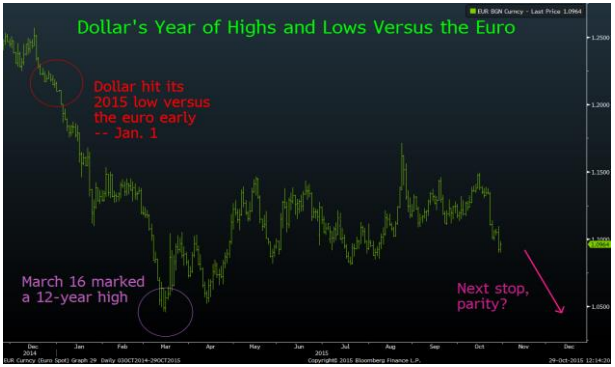

Đó là việc thay đổi cách mô tả về chi tiêu hộ gia đình và đầu tư, từ "tốc độ tăng trưởng khiêm tốn" lên mức "tăng trưởng vững chắc". Đồng thời, Fed cũng nhận định thị trường lao động đang hướng đến mức toàn dụng nhân công, bất chấp số liệu báo cáo việc làm trong thời gian gần đây suy yếu.

Fed giảm bớt lo ngại về kinh tế toàn cầu khi không còn nhận định tiêu cực về kinh tế toàn cầu như biên bản họp tháng 9/2015. Trong tháng 9, Fed đã ghi nhận: "*Những thay đổi của nền kinh tế toàn cầu và trên thị trường tài chính có thể kìm hãm các hoạt động kinh tế và có khả năng tạo thêm áp lực lên lạm phát trong tương lai gần*".

Bản tuyên bố sau cuộc họp chỉ ra rằng, "*Fed sẽ xem xét cuộc họp chính sách tiếp theo có phải là thời điểm thích hợp để tăng lãi suất hay không*". Trước đó, ngân hàng trung ương chỉ nhắc đến những điều kiện khiến Fed phải giữ lãi suất ở gần mức 0%. Fed phát tín hiệu "cuôc họp tiếp theo", khả năng là cuộc họp tháng 12 tới. Trong đó, Fed sẽ xem xét "*toàn bộ các dữ liệu, bao gồm những cải thiện của thị trường lao động, và những dấu hiệu về áp lực lạm phát ngày càng tăng lên*".

Dù không nói ra nhưng diễn biến kinh tế toàn cầu đang có nhiều bất ổn và quá trình nới lỏng tiền tệ của Trung Quốc, Châu Âu và Nhật Bản sẽ khiến Fed phải hết sức cân nhắc.

2. Chính sách nới lỏng tiền tệ của Châu Âu, Nhật Bản và Trung Quốc

Tại Châu Âu

Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) sẽ tiếp tục "nới lỏng tiền tệ" cho tới khi lạm phát khởi sắc và có nghĩa vụ sử dụng tất cả các công cụ trong tay để vực dậy nền kinh tế, theo phát biểu từ ba quan chức cấp cao của ECB. Chủ tịch Mario Draghi tuyên bố rằng, ECB đang cân nhắc các chính sách

nới lỏng mới, và sẽ ra quyết định vào cuộc họp tháng 12, dựa trên kỳ vọng lạm phát của các thành viên.

Phó Chủ tịch ECB V. Constancio cho biết, định chế này sẽ vẫn giữ lãi suất thấp và mở rộng bảng cân đối thông qua chương trình mua tài sản khối lượng lớn, cho tới khi lạm phát tăng trưởng đạt mục tiêu.

Trước đây, ECB từng tuyên bố tỷ lệ lãi suất tiền gửi - 0.2% là mức thấp kỉ lục và thị trường đang kỳ vọng tỷ lệ này có thể giảm còn - 0.3%, vào đầu tháng 12.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) khu vực Eurozone trượt 0.1% trong tháng 9 và dự báo chỉ số này tiếp tục "dậm chân tại chỗ" trong tháng 10. Trong khi đó, khảo sát của ECB chỉ ra kỳ vọng lạm phát sẽ không đạt được mục tiêu gần 2% cho tới năm 2017.

Ngân hàng trung ương Châu Âu bắt đầu khởi động chương trình mua tài sản với giá trị 60 tỷ Euro ($66.42 tỷ)/tháng (QE) kể từ tháng 3 năm nay, trong nỗ lực kích thích tỷ lệ lạm phát yếu ớt.

Hôm 28/10, kinh tế trưởng Peter Praet của ECB cho biết, ngân hàng có bổn phận sử dụng tất cả các công cụ có thể, để

hoàn thành nhiệm vụ của mình, hoặc là phải đối mặt với rủi ro mất đi tín nhiệm.

Tuy nhiên, một số lãnh đạo các Ngân hàng trung ương trong khu vực, lại không ủng hộ tung thêm gói nới lỏng, báo hiệu sẽ có 1 cuộc tranh cãi đầy kịch tính trong cuộc họp tháng 12 tới.

Theo Ilmars Rimsevics, Thống đốc Ngân hàng trung ương Latvia, không cần "vội vàng" mở rộng gói QE trong năm nay, khi nó chỉ vừa mới "thực sự bắt đầu" cho thấy hiệu quả.

Thống đốc Ngân hàng trung ương Estonian, Ardo Hansson cũng nhận định, không có lý do gì để tăng cường chính sách nới lỏng trong tháng 12, trừ khi bối cảnh thị trường có sự thay đổi đột ngột.

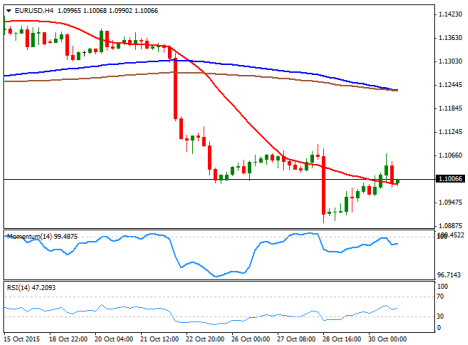

Trong phiên giao dịch cuối tuần, cuối tháng là 30/10, tỷ giá EURUSD đã chốt ở mức 1,1007 và vẫn đang trong xu hướng đi xuống.

123 Global dự báo, đồng USD sẽ vươn lên ngang ngửa đồng Euro vào tháng 12 tới, khi khác biệt chính sách tiền tệ giữa

Fed và ECB ngày một gia tăng. Vào lúc này, Fed nhấn mạnh việc xem xét tăng lãi suất vào cuộc họp FOMC cuối năm, còn ECB lại đang "ám chỉ" có thể tăng cường nới lỏng trong phiên họp chính sách ngày 3/12. Điều này khiến triển vọng 2 đồng tiền lớn của thế giới "ngang tài ngang sức" quay trở lại.

Goldman Sachs Group Inc. dự báo tỷ giá EUR/USD sẽ tụt xuống 1,05 trước thềm cuộc họp ECB ngày 3/12 và năm 2015 kết thúc với sự cân bằng của 2 đồng tiền mạnh.

Tại Nhật Bản

Hôm 30/10, Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) tuyên bố giữ nguyên chính sách tiền tệ, khi Thống đốc Haruhiko Kuroda cam đoan rằng, mức độ nới lỏng hiện tại đủ để đẩy lạm phát đạt mục tiêu 2%. Ông Kuroda vẫn kiên định với quan điểm trong những tháng gần đây rằng, nền kinh tế vẫn khỏe mạnh, với lợi nhuận khu vực doanh nghiệp khởi sắc và thị trường lao động thắt chặt. Đây sẽ là nhân tố kích thích lạm phát, một khi tác động từ giá dầu thấp lu mờ.

Trong phiên họp này, kết quả bỏ phiếu 8/1 thành viên Hội đồng quản trị BOJ thống nhất vẫn tăng cung tiền cơ sở cho nền kinh tế, ở mức 80 nghìn tỷ Yên ($662 tỷ) hàng năm.

Trước đó, các quan chức chính phủ và Bộ trưởng tài chính Nhật cũng nhận định rằng, tăng cường nới lỏng vào thời điểm này là không cần thiết. Trong khi đó, tranh cãi vẫn nổ ra trong giới chuyên gia.

Các nhà kinh tế cũng nhận định, BOJ có thể phải lùi thời điểm dự kiến đạt mục tiêu lạm phát 2% sau tháng 9/2016. Hideo Hayakawa, cựu chuyên gia tại BOJ cho rằng, BOJ sẽ hạ dự báo tăng trưởng lạm phát xuống 0.3% năm 2015 và 1.6% năm 2016, trong khi giá dầu quanh quẩn ở mức đáy kỷ lục. Nhật công bố chỉ số CPI lõi (không tính giá thực phẩm) đi xuống tháng thứ 2 liên tiếp. Nếu trừ giá thực phẩm và năng lượng, CPI của Nhật tăng 0.9% trong tháng 9.

Các số liệu kinh tế gần đây trái chiều. Doanh số bán lẻ sụt giảm đột ngột trong tháng 9. Tuy nhiên, xuất khẩu tăng và sản lượng công nghiệp khởi sắc hơn dự đoán. Sẽ không phải lần đầu tiên BOJ giữ chính sách tiền tệ không đổi, trong khi giảm kỳ vọng BOJ sẽ có phiên họp chính sách tiếp theo vào ngày 18-19/11.

Hiện tại, đồng Yen Nhật đang ở vị thế yếu so với đồng USD trong nhiều năm nay.

Tại Trung Quốc

Tiếp theo các động thái phá giá đồng Nhân dân tệ hồi tháng 8/2015, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) vừa hạ

lãi suất tham chiếu và giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho các nhà băng, nhằm ngăn tăng trưởng giảm sâu, áp dụng từ ngày 24/10.

Theo đó, lãi suất cho vay kỳ hạn một năm tại nước này giảm từ 4,6% xuống 4,35%. Trong khi đó, lãi suất huy động kỳ hạn tương đương giảm từ 1,75% xuống 1,5%. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc giảm 0,5% cho tất cả ngân hàng, và 1% cho một số tổ chức đặc biệt. PBOC cũng bỏ trần lãi suất huy động, tiến gần tới tự do hóa lãi suất.

Bloomberg nhận xét những biện pháp nới lỏng này cho thấy quyết tâm của Chính phủ Trung Quốc nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng 7% năm nay, dưới sức ép giảm phát, dư thừa công suất và nhu cầu thế giới suy giảm. Đây là lần hạ lãi suất thứ 6 của Trung Quốc kể từ tháng 11/2014.

"*Rõ ràng PBOC đang thực hiện nhiệm vụ nới lỏng tiền tệ. Và họ đã làm được một năm rồi. Khi nền kinh tế đang mất đà, giảm phát đe dọa khối doanh nghiệp và sự mất cân bằng hạn chế tốc độ tăng trưởng, ngân hàng trung ương đang được chỉ đạo nới lỏng thêm nữa. Và dĩ nhiên, việc này còn chưa kết thúc*", George Magnus - cố vấn kinh tế cấp cao tại UBS cho biết.

Quý III vừa qua, GDP Trung Quốc chỉ tăng 6,9% - thấp nhất từ năm 2009. Khi lạm phát chỉ bằng nửa mục tiêu của Chính phủ và chỉ số giá sản xuất đi xuống, rõ ràng các nhà hoạch định chính sách có rất nhiều lý do để nới lỏng.

"*Giới chức Trung Quốc đang đẩy nhanh tiến độ. Động thái kết hợp giảm lãi suất và hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho thấy Bắc Kinh rất kiên quyết kéo nền kinh tế khỏi vũng lầy và khởi động lại cỗ máy tăng trưởng*", Frederic Neumann – trưởng nhóm nghiên cứu kinh tế châu Á tại HSBC nhận xét.

Trung Quốc cần một mức tăng trưởng hàng năm đạt 6.53% trong 5 năm tiếp theo để đáp ứng chỉ tiêu của chính phủ, là tạo dựng một xã hội thịnh vượng vừa phải "moderately prosperous society", ông Lý Khắc Cường, Thủ tướng Trung Quốc phát biểu hôm 23/10. Ông nhấn mạnh dự báo tăng trưởng yếu kém nhất trong 5 năm tới, cho thấy các nhà lãnh đạo đã sẵn sàng chấp nhận thời kỳ tăng trưởng chậm kể từ khi mở cửa thị trường 3 thập kỷ trước.

Theo ông Lý Khắc Cường, PBOC không nên sử dụng các gói nới lỏng định lượng để đẩy tiền tràn ngập thị trường. Lời phát biểu này cho thấy PBOC không ủng hộ hướng đi của Mỹ và Nhật Bản, trong việc mua tài sản để tăng tính thanh khoản và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, Trung Quốc sẽ tránh sử dụng việc phá giá NDT như một công cụ để thúc đẩy xuất khẩu.

Changyong Rhee, giám đốc phụ trách khối Châu Á - Thái Bình Dương của IMF, cho biết rằng ảnh hưởng từ Trung Quốc có thể gây ra đối với các nền kinh tế khác trong khu vực lớn hơn nhiều so với ước tính.

Nhìn vào thực tế thời điểm này, tốc độ tăng trưởng Trung Quốc năm 2015 có thể tiến gần tới mức 7% và "đánh bại" con số 6.8%. IMF không nhận thấy dấu hiệu suy thoái sau

chuỗi tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới. Tuy nhiên, Quỹ tiền tệ quốc tế lo ngại hơn về tác động từ tăng trưởng chậm tại Trung Quốc tới các nước Châu Á khác, bởi mối quan hệ giao thương ngày càng gắn bó trong khu vực.

Theo tính toán của IMF, tốc độ tăng GDP của Trung Quốc sụt 1% có thể làm "bốc hơi" 0.3% tăng trưởng toàn Châu Á.

> ***Chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới đang lèo lái tất cả các thị trường, trong đó có cà phê….***

3. Sự chao đảo của các thị trường mới nổi

Các thị trường mới nổi, dẫn đầu là Trung Quốc, Nga, Brazil đã và đang đứng trước sự suy giảm kinh tế đáng kể và các đồng nội tệ của các nước này đã mất giá kỷ lục so với đồng USD và các đồng tiền chính khác. Ba vấn đề chính mà các thị trường mới nổi phải đối diện, gồm việc lãi suất tại Mỹ sắp tăng, đồng USD đang lên giá khiến dòng vốn bị rút ra mạnh mẽ và triển vọng kinh tế toàn cầu đang bất ổn hơn bao giờ hết.

Sự phân hóa đang ngày càng hiện rõ giữa các nước xuất khẩu nguyên liệu và xuất khẩu hàng hóa. Đồng tiền của các nước xuất khẩu nguyên liệu đang rơi mạnh so với đồng USD trong vài năm qua và các quốc gia này sẽ đối mặt với thêm nhiều khó khăn khi trả nợ bằng USD.

Ngoài ra, sự mất giá đồng tiền ở các quốc gia này còn trở nên tồi tệ hơn bởi các yếu tố riêng biệt của từng quốc gia, như việc Nga đang bị các lệnh trừng phạt, Malaysia và Brazil gặp bê bối chính trị, Thổ Nhĩ Kỳ gặp rủi ro về an ninh còn Trung Quốc đối diện với nguy cơ suy giảm kinh tế.

Điều kiện kinh tế và rủi ro có thể khác nhau, nhưng các thị trường mới nổi đều có chung một điểm là đang nợ nhiều và sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc trả nợ so với trước.

Trong báo cáo cập nhật triển vọng kinh tế toàn cầu 2015 – 2016 của IMF, Kinh tế trưởng Maurice Obstfeld của định chế này nhận định: "*Trong tương lai gần, tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn tương đối trì trệ và không đồng đều*".

Các yếu tố đằng sau sự phục hồi trì trệ của kinh tế toàn cầu đó chính là nhu cầu tiêu thụ yếu, già hóa dân số và ở nhiều quốc gia đó còn là căng thẳng chính trị.

IMF khuyến cáo các nền kinh tế mới nổi sẵn sàng cho kịch bản Mỹ chuẩn bị thắt chặt chính sách tiền tệ, đồng thời hối thúc các nền kinh tế phát triển đối phó với những tàn tích khủng hoảng.

Kể từ khi Trung Quốc bất ngờ phá giá Nhân dân tệ trong tháng 8, các đồng tiền thị trường mới nổi liên tục rớt giá và điều này đã dẫn đến áp lực giảm phát trong khi thế giới lại chưa chuẩn bị tốt để chống chọi với tình trạng này.

Chủ tịch ECB, ông Draghi từng cảnh báo: "*Triển vọng tăng trưởng kinh tế Eurozone vẫn đang đứng trước nguy cơ sa*

sút, được thể hiện rõ ràng qua những bất ổn ngày càng sâu sắc liên quan đến diễn biến tại các nền kinh tế thị trường mới nổi".

Sự sa sút của các thị trường mới nổi là một trong những nguyên nhân khiến Fed bỏ qua cơ hội tăng lãi suất trong tháng 9 và tháng 10. Trong bài phát biểu gây nhiều tranh luận gần đây, thành viên hội đồng thống đốc của Fed – Lael Brainard – đã xem áp lực giảm phát bắt nguồn từ các thị trường mới nổi là nguyên nhân chính chống lại việc thắt chặt chính sách.

Tác nhân dẫn đến lo lắng này là đà giảm giá của các đồng tiền mới nổi, một phần xuất phát từ lo ngại rằng lãi suất cao hơn tại Mỹ sẽ khiến dòng vốn rút khỏi các quốc gia thị trường mới nổi trong bối cảnh các nước này đang vật lộn với khoản nợ nước ngoài khổng lồ.

Tất cả những điều nói trên đều có nguy cơ trở thành một chu kỳ khép kín mà ở đó nỗi lo sợ Fed tăng lãi suất có thể khiến các đồng tiền thị trường mới nổi giảm sâu, qua đó châm ngòi cho mối lo lắng về tình trạng giảm phát và ngăn cản Fed hành động.

"*Đó là một phản ứng tiêu cực*", nhận định của ông Robert Rennie, Trưởng bộ phận chiến lược thị trường toàn cầu tại Westpac, Sydney.

Ông cho biết thêm: "*Trung Quốc là người đầu tiên khơi mào với việc phá giá đồng Nhân dân tệ và rủi ro rút vốn khỏi các thị trường mới nổi tiếp tục gây sức ép*".

4. Sự mất giá của các đồng tiền cà phê

Trong bối cảnh đang có nhiều xáo trộn trên toàn cầu và tại các thị trường mới nổi, các nước sản xuất cà phê lớn trên thế giới bao gồm Brazil, Việt Nam, Indonesia và Colombia cũng chịu nhiều tác động, đặc biệt là sự mất giá của các đồng nội tệ.

Về mặt lý thuyết, khi các đồng nội tệ của các nước sản xuất hàng mất giá thì xuất khẩu hàng hóa sẽ hưởng lợi. Tuy nhiên, nguồn cung gia tăng sẽ khiến giá hàng hóa sụt giảm.

Hiện tại, các đồng tiền cà phê đang giảm giá mạnh mẽ và ở vùng thấp kỷ lục so với USD nên giá cà phê đang dao động ở mức thấp trong nhiều năm qua.

5. Các yếu tố ảnh hưởng tới giá cà phê khác

Hầu hết các loại hàng hóa đều đang giảm giá xuống vùng thấp nhất trong nhiều năm qua, dẫn đầu là giá vàng và giá dầu. Giá cà phê giảm giá là nằm trong xu thế chung của sự giảm giá của hàng hóa toàn cầu, chứ không phải là do các "thế lực ngầm" hay "đầu cơ" làm giá.

Chỉ số Bloomberg Commodities Index, đo lường diễn biến của thị trường hàng hóa vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp trong 13 năm qua, thấp hơn cả mức đáy của thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 hay khủng hoảng nợ công ở Eurozone năm 2012. Từ dầu mỏ đến đồng hay đường, có rất ít hàng hóa có thể thoát được kịch bản lao dốc.

Hình 7 - Chỉ số Bloomberg Commodities Index lao dốc

Nguồn: *Bloomberg, 2015*

Thời tiết

Mưa và các dự báo thời tiết tại các vùng trồng cà phê chính tại Brazil đang khuấy đảo giá cà phê còn khô hạn tại Việt Nam đang là rủi ro tiềm ẩn cho diễn biến sắp tới của giá cà phê.

Tại Brazil, các dự báo khác nhau về mưa và lượng mưa tại các vùng trồng cà phê đã khiến giá cà phê biến động lớn trong tháng 10.

Tại Việt Nam, Chính phủ và Bộ NN-PTNT vừa ban hành Chỉ thị 8718/CT-BNN-TCTL về thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, xâm thực mặn năm 2016, đối phó với ảnh hưởng của hiện tượng El Nino. Các diện tích cà phê tại Tây Nguyên đang đối diện với khô hạn giữa mùa mưa và khả năng thiếu nước trên diện rộng trong mùa khô năm nay.

Tóm lược tình hình
Ngành cà phê Việt Nam tháng 10/2015

Trần Khải Nam Trung
123 Global – www.123chienluoc.com

(123GLOBAL) - Giá cà phê dao động trong vùng giá quanh 35 triệu/tấn và xuất khẩu giảm, hiện tượng kháng giá gia tăng. Tỷ giá USDVNĐ tăng sẽ hỗ trợ cho xuất khẩu nhưng lạm phát đang có dấu hiệu tăng sẽ có thể đẩy chi phí sản xuất tăng cao.

Xuất khẩu cà phê

Thống kê của Bộ Nông nghiệp & PTNT, xuất khẩu cà phê tháng đầu tiên của niên vụ mới 2015/2016 tiếp tục giảm về lượng và giá.

Xuất khẩu cà phê trong tháng 10 năm 2015 ước đạt 84 nghìn tấn với giá trị đạt 160 triệu USD.

Khối lượng xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu năm 2015 ước đạt 1,05 triệu tấn với tổng giá trị 2,13 tỷ USD, giảm 29,6% về khối lượng và giảm 31,4% về giá trị so cùng kỳ năm 2014.

Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2015 với thị phần lần lượt là 14,15% và 11,61%.

Giá trị xuất khẩu cà phê trong 9 tháng đầu năm 2015 ở 10 thị trường chính của Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ năm 2014.

Giá cà phê trong nước

Giá cà phê Robusta quả tươi được giao dịch ở mức 6.200 – 6.600 đồng/kg.

Giá cà phê nhân xô đang tăng trở lại vào những ngày cuối tháng sau khi giảm mạnh hồi đầu tháng. Tại các tỉnh Tây Nguyên, giá cà phê nhân xô đang được giao dịch ở mức 36,5 triệu/tấn vào ngày 30/10 sau những ngày đảo chiều tăng giá của Robusta trên sàn giao dịch cà phê kỳ hạn ICE Futures Europe.

Giá cà phê xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2015 đạt 2042 USD/tấn, giảm 1,7% so với năm 2014.

Tồn kho

Tổng hợp nhiều nguồn tin trong nước và nước ngoài, tồn kho cà phê của Việt Nam đang ở mức cao so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính đến hết tháng 10, với khối lượng xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu năm 2015 ước đạt 1,05 triệu tấn, 123 Global ước tính còn khoảng 25% - 30% sản lượng cà phê của niên vụ 2014/2015 vẫn còn trong dân hoặc trong kho của các doanh nghiệp.

Sự suy yếu của giá cà phê trong hầu hết năm 2015 đã khiến sự kháng giá tăng cao. Nhiều nông hộ và doanh nghiệp vẫn đang găm giữ cà phê chưa bán ra khiến tồn kho tăng cao hơn mọi năm.

Niên vụ mới 2015/2016

Niên vụ mới đã bắt đầu được 1 tháng. Việc thu hoạch cà phê đã diễn ra rải rác một số vùng trong điều kiện thời tiết ít mưa. Một số nơi đang có cảnh báo khô hạn.

Lượng cà phê mua bán trên thị trường hiện tại vẫn đang là cà phê vụ cũ là chủ yếu.

Tỷ giá USDVNĐ

Chính phủ dự báo, trong ngắn và trung hạn, tỷ giá VND/USD nhiều khả năng sẽ không tăng đột biến, nhờ vào tiềm lực dự trữ ngoại hối khá mạnh của Việt Nam.

Báo cáo của Chính phủ mới đây cũng nhắc lại ngày 11/8/2015 khi Ngân hàng Trung ương Trung Quốc điều chỉnh cơ chế hình thành tỷ giá làm cho đồng Nhân dân tệ mất giá liên tục trong ba ngày lên đến 4,6%, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phản ứng linh hoạt bằng cách nới lỏng biên độ tỷ giá lên ±3% và phá giá tham chiếu của VND/USD lên 1%.

Những điều chỉnh này và sự biến động bất ngờ của Nhân dân tệ được đánh giá là đã gây sức ép đáng kể lên tỷ giá trong thời gian đầu.

"*Cho đến nay, sau khi thị trường có thời gian điều chỉnh, sức ép lên tỷ giá đã giảm, tỷ giá biến động dưới trần cho phép. Từ nay đến cuối năm nguồn cung USD vẫn khá dồi dào nên sức ép điều chỉnh tỷ giá sẽ thấp, nếu có chỉ mang tính tạm thời tại một số thời điểm trong năm*". Chính phủ nhận định.

Tỷ giá USDVNĐ tăng cao là một trong những nguyên nhân khiến giá cà phê nhân xô "đỡ" mất giá trong bối cảnh giá cà phê kỳ hạn giảm mạnh và đồng VNĐ yếu góp phần mang lại lợi thế cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

Lạm phát

Lạm phát tăng nhẹ trong tháng 10 nhưng vẫn đang ở vùng thấp nhất 10 năm qua.

Báo cáo tổng quan cà phê toàn cầu Tháng 10 của Tổ chức cà phê Quốc tế (ICO)

Trần Thiên
123 Global – www.123chienluoc.com

Theo số liệu mới nhất về thương mại cà phê toàn cầu từ Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) công bố ngày 30/10/2015, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 9 đạt 8,87 triệu bao, giảm

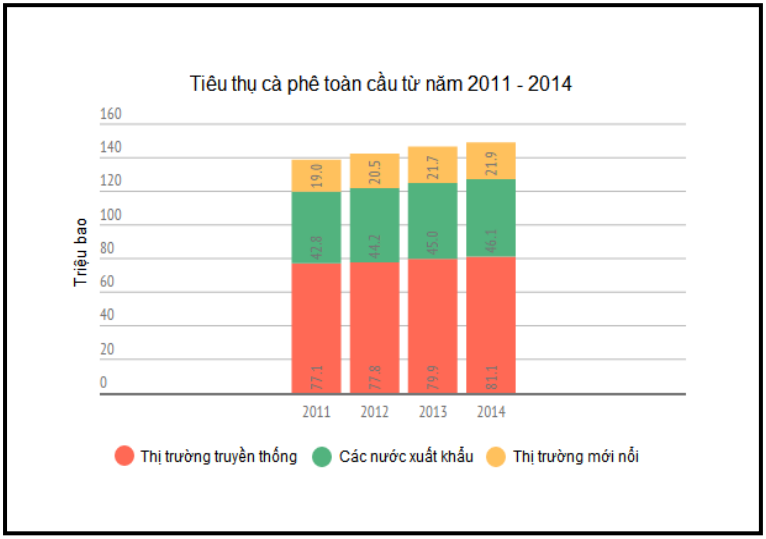

so với mức 9,40 triệu bao ở cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu cà phê niên vụ 2014/15 giảm 3,1% xuống mức 110,75 triệu bao so với mức 114,24 triệu bao ở niên vụ trước. Trong đó, xuất khẩu cà phê Arabica đạt 68,40 triệu bao, giảm so với mức 69,70 triệu bao ở niên vụ trước; xuất khẩu cà phê Robusta đạt 42,35 triệu bao, giảm so với mức

44,53 triệu bao ở niên vụ trước.Niên vụ 2014/15 ước tính sản lượng cà phê toàn cầu đạt 143,25 triệu bao loại 60kg, giảm 2,3% so với niên vụ trước, trong đó sản lượng cà phê Arabica và Robusta đều giảm 2,3%.

Tiêu thụ cà phê toàn cầu năm 2014 ước đạt 149,2 triệu bao loại 60 kg, duy trì tỷ lệ tăng trưởng trung bình 2,3%/năm kể từ năm 2011.

Nhu cầu cà phê vẫn mạnh ở nhiều nước, đặc biệt ở các thị trường truyền thống như Canada, EU, Nhật Bản, Na Uy, Thụy Sỹ, Mỹ… Nhưng thị trường tiềm năng nhất là ở các nền kinh tế mới nổi như Algeria, Australia, Nga, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ucraina… và các nước xuất khẩu cà phê.

Triển vọng giá cà phê tháng 11/2015

Trúc Gia – Trần Hoàng Dũng
123 Global – www.123chienluoc.com

Giá cà phê trong tháng 11/2015 vẫn chịu tác động của yếu tố thời tiết tại các vùng trồng cà phê Brazil, Việt Nam, các yếu tố vĩ mô toàn cầu liên quan tới chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương (đặc biệt là Fed, ECB, BOJ và BPOC) và diễn biến của các đồng tiền cà phê (các đồng nội tệ của Brazil, Việt Nam, Indonesia, Colombia).

Các sự kiện, diễn biến quan trọng trong thời gian sắp tới cần theo dõi sát:

- Bảng lương phi nông nghiệp tháng 11 (công bố vào ngày 5/11) và tháng 12 (công bố vào ngày 4/12) của Bộ Lao động Mỹ.
- Các diễn biến xoay quanh chính sách lãi suất của các ngân hàng trung ương lớn: Fed, ECB, BOJ, BPOC.
- Các dự báo thời tiết và tình hình thực tế về thời tiết tại các vùng trồng cà phê lớn trên thế giới, quan trọng nhất là tại Brazil và Việt Nam. Diễn biến hiện tượng El Nino đang mạnh lên rất đáng quan tâm.
- Báo cáo sản lượng cà phê niên vụ 2014/2015 và triển vọng sản lượng cà phê niên vụ 2015/2016.

Triển vọng sản lượng cà phê Brazil và Việt Nam niên vụ 2015/16 vẫn chưa chắc chắn và có thể chỉ rõ ràng hơn vào tháng 11 và tháng 12. Tồn kho cà phê Arabica chứng nhận đạt chuẩn tại sàn ICE Futures US xuống khá thấp dưới 2

triệu bao trong khi tồn kho cà phê Robusta chứng nhận đạt chuẩn sàn ICE Futures Europe còn khá nhiều trên 3 triệu bao, tồn kho cà phê Robusta trong nông dân và nhà sản xuất tại Việt Nam cũng khá lớn với hơn 5 triệu bao.

Hình 1 – Cán cân cà phê thế giới (Sản lượng - Sử dụng)

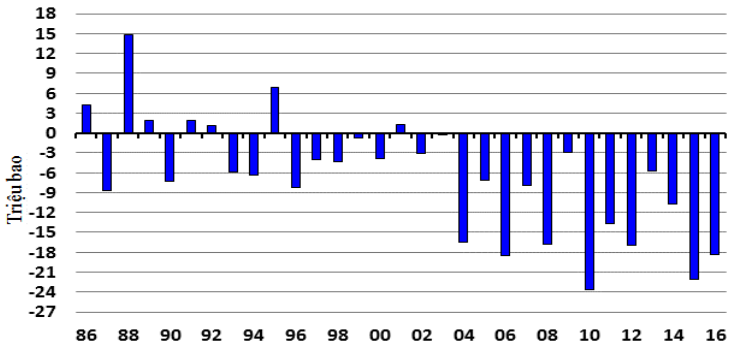

Nguồn: *USDA, 2015*

Đáng chú ý có thể nói là yếu tố thời vụ: Giá cà phê thường tăng và ổn định trong tháng 11 mà lịch sử hai năm gần đây chứng minh điều đó. Người dân trồng cà phê và doanh nghiệp nên lưu ý điều này.

Còn nhớ cuối tháng 10 năm ngoái, các thị trường cà phê chịu sức ép giảm giá do dự báo thời tiết vành đai cà phê Brazil có mưa. Nhưng sang tháng 11/2015 đề tài thời tiết Brazil lại xoay chuyển tình hình và hỗ trợ thị trường cà phê phục hồi sau khi có tin báo cáo từ Brazil cho biết dù cuối cùng những cơn mưa cũng đã xuất hiện nhưng thiệt hại do khô hạn trước đó đã làm hỏng đợt hoa nở vào đầu tháng 9 là

không thể tránh khỏi khiến cho triển vọng sản lượng cà phê Brazil niên vụ kế tiếp có thể đạt thấp hơn kỳ vọng.

Hình 2 - Giá cà phê tăng trong tháng 11/2013

Nguồn: Barchart, 2014

Sau đó liên tiếp nhiều tổ chức uy tín đã hạ ước tính sản lượng cà phê Brazil cũng như dự báo thiếu hụt nguồn cung cà phê toàn cầu.

Hình 3 - Giá cà phê tăng trong tháng 11/2014

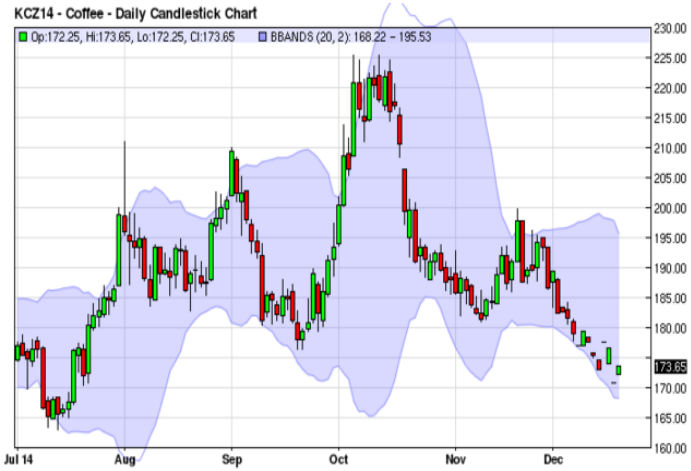

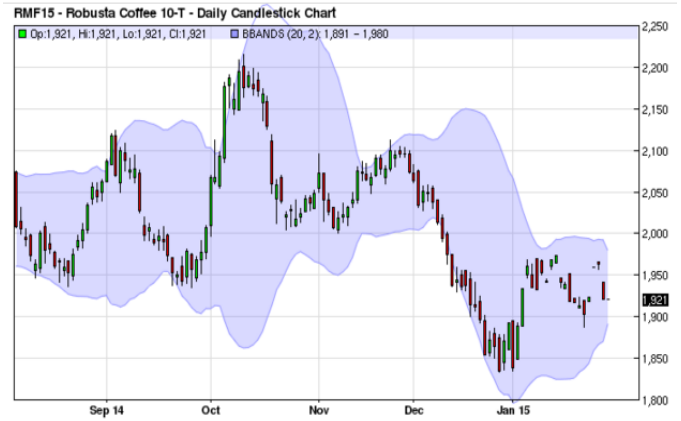

Nguồn: Barchart, 2015

Tình hình cùng kỳ năm 2015 dường như khá tương đồng với năm ngoái. Liệu kịch bản năm ngoái sẽ lặp lại chăng?

Trên phương diện phân tích kỹ thuật, các phân tích gia tại 123 Global cho rằng giá cà phê chỉ có thể phục hồi nhẹ và khả năng tăng cao, tăng mạnh là khó khăn.

Mặt khác, xu thế giá cà phê và hàng hóa nói chung vẫn đang bị kìm hãm bởi áp lực Fed tăng lãi suất điều hòa vốn trong tháng 12/2015.

Khuyến nghị - Tháng 10/2015

123 Global

Công ty cổ phần Nhịp điệu Toàn cầu 123 - 123 Global (website: www.123chienluoc.com), chuyên nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu ngành hàng cà phê và cung cấp thông tin tư vấn ngành hàng cà phê có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh và văn phòng đại diện tại Buôn Ma Thuột, đưa ra nhận định và khuyến nghị như sau:

1. Nhận định

Ngành hàng cà phê Việt Nam đang trong bối cảnh bấp bênh của nền kinh tế - địa chính trị toàn cầu như đã phân tích ở trên và có các đặc điểm:

i. Giá cà phê nội địa (nhân xô) suy yếu khoảng 15% so với cùng thời điểm năm 2014 nhưng giá cà phê kỳ hạn suy yếu từ 25% (Robusta) đến 42% (Arabica).

ii. Ngành cà phê đang trong giai đoạn khó khăn sau đợt suy giảm kinh tế vừa qua và đang phải chống chọi với sự suy yếu của giá cà phê toàn cầu. Thời gian qua đã có nhiều doanh nghiệp lâm nguy hoặc phá sản, nhiều nông hộ phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng,… Mặc dù giá năng lượng thế giới giảm sâu nhưng giá xăng dầu, giá điện và giá nhân công, giá cước vận tải cũng như giá vật tư nông nghiệp vẫn ở mức cao, khiến chi phí sản xuất vẫn cao trong bối

cảnh giá cà phê giảm sút gây không ít khó khăn cho nông hộ và doanh nghiệp.

iii. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 9/2015 giảm xuống mức thấp nhất trong 10 năm qua. Qua tháng 10, CPI tăng 0,11%, sau khi giảm hai tháng liên tiếp. Số liệu vừa được Tổng cục Thống kê công bố cho thấy tính chung từ đầu năm, CPI mới tăng 0,51%, thấp xa so với ngưỡng 5% mà Quốc hội cho phép và mặt bằng giá hiện tương đương cùng kỳ năm ngoái.

Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng từ đầu năm đến nay

Nguồn: *GSO, 2015*

iv. Lãi suất ngân hàng ở mức hấp dẫn, mặc dù đang có điều chỉnh tăng trong tháng 10. Hiện nay mặt bằng lãi suất trên thị trường tài chính có xu hướng gia tăng, mặc dù chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước là giảm lãi suất để hỗ trợ các doanh

Biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết El Nino đang là một trong những yếu tố ảnh hưởng sâu rộng đến sản lượng cà phê toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Qua đó, tác động đến giá cà phê thế giới và nội địa.

nghiệp, cá nhân đi vay và để hỗ trợ phát triển kinh tế. Tuy nhiên, với những biến động trên thị trường tài chính thế giới và Việt Nam, các ngân hàng đang lo thanh khoản bằng cách tăng lãi suất huy động. Chính vì thế, lãi suất cho vay cũng khó có thể giảm thời gian tới.

v. Chính phủ đang triển khai nhiều chính sách hỗ trợ nông nghiệp, đặc biệt là chương trình tái canh cà phê. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp cà phê và nông hộ vẫn chưa thể tiếp cận một cách toàn diện với các ưu điểm của chính sách.

vi. Thời tiết bất thường do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino đang gây rủi ro ngành nông nghiệp nói chung và canh tác cà phê nói riêng.

vii. Kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu thông qua nhiều hiệp ước FTA được ký kết mà đặc biệt là Hiệp định TPP. Nhiều cơ hội lớn đang mở ra cho ngành cà phê nhưng ngược lại vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trên thương trường quốc tế. Vấn đề này được đề cập chi tiết trong các bài riêng trong Nội san này.

Ghi chú 1: ***Rủi ro về thời tiết, biến đổi khí hậu***

Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn T.Ư cho biết, từ cuối năm 2014 đến nay, do ảnh hưởng của EL Nino, lượng mưa, dòng chảy sông, suối ở hầu hết các khu vực đều thiếu hụt so với trung bình nhiều năm (TBNN). Hiện tại, dung tích trữ của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện phần lớn đều thấp hơn cùng kỳ năm 2014. Có khả năng cường độ của El Nino sẽ mạnh kỷ lục như hồi năm 1997/1998 và xác suất kéo dài đến hết mùa đông xuân 2015/2016 là 90%.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) vừa ban hành Chỉ thị 8718/CT-BNN-TCTL về thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, xâm thực mặn năm 2016, đối phó với ảnh hưởng của hiện tượng El Nino.

Theo đó, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các địa phương rà soát tình hình, đánh giá khả năng tác động của hạn hán, xâm nhập mặn tới các ngành sản xuất, đời sống của nhân dân; xây dựng các kế hoạch ứng phó; giảm tối thiểu thiệt hại, ổn định sản xuất, thu nhập và đời sống của nhân dân trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, tổng hợp cụ thể nguồn nước kể cả các hồ chứa thủy lợi, thủy điện để xây dựng kế hoạch sử dụng nước hợp lý; ưu tiên nước cho sinh hoạt, nước uống cho gia súc, nước tưới cho cây trồng lâu năm có giá trị kinh tế cao.

Theo Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp & PTNN), diện tích cà phê già cỗi tăng nhanh, diện tích cà phê hơn 20 năm hiện có 86 nghìn ha, chiếm 17,3% tổng diện tích cà phê, ngoài ra có khoảng hơn 40 nghìn ha cà phê dưới 20 tuổi nhưng đã có biểu hiện già cỗi, sinh trưởng kém, ít cành thứ cấp, nhiều cành không cho quả, năng suất và chất lượng quả thấp.

Ghi chú 2: ***Tóm lược về chương trình tái canh cà phê***

Theo Bộ NN&PTNT, diện tích cà phê già cỗi cần phải thay thế trong 5 đến 10 năm tới của cả nước khoảng từ 140 - 160 nghìn ha, chiếm 25% tổng diện tích cà phê trên toàn quốc, trong đó có khoảng 120 nghìn ha cà phê cần tái canh gấp tại khu vực Tây Nguyên. Nếu không được tái canh, chắc chắn năng suất, chất lượng và giá trị cà phê Việt Nam sẽ sút giảm trong những năm tiếp theo, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của cây cà phê.

Từ niên vụ 2011/12 đến nay, Vicofa đã hỗ trợ gần 20 tấn hạt và 564.700 cây cà phê giống cho 5 tỉnh Tây Nguyên, tổng giá trị hơn 7 tỷ đồng. Cụ thể, tỉnh Đắk Lắk 6,2 tấn hạt, 110.000 cây giống; Đắk Nông 3 tấn hạt, 7.000 cây giống; Lâm Đồng 5,8 tấn hạt, 70.000 cây giống; Gia Lai 3,1 tấn hạt, 125.000 cây giống; Kon Tum 0,58 tấn hạt, 58.500 cây giống; Tổng công ty cà phê Việt Nam 1,18 tấn hạt, 40.000 cây giống…

Theo báo cáo của Vụ Tín dụng - NHNN, nguồn vốn tín dụng ngân hàng

dành cho phát triển ngành cà phê Việt Nam những năm gần đây đang khởi sắc. Trong đó, dự nợ cho vay phát triển cây cà phê trên toàn quốc đến cuối năm 2014 đạt khoảng 37.000 tỷ đồng, riêng khu vực Tây Nguyên chiếm hơn 30.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo UBND các tỉnh Tây Nguyên, việc cho vay phát triển cây cà phê chủ yếu tập trung ở các khâu như: Sản xuất, thu mua, chế biến và xuất khẩu cà phê của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân, trong khi nguồn vốn cho vay tái canh cây cà phê còn khiêm tốn. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn Tây Nguyên chưa quan tâm nhiều, trừ ngân hàng Agribank. Vì thế đến nay, dư nợ cho vay tái canh cây trồng này mới chỉ đạt 585 tỷ đồng.

Nguồn vốn cho vay tái canh cà phê giai đoạn 2014 - 2020 khoảng 12.000 - 15.000 tỷ đồng. Hôm 11/5, NHNN đã ban hành văn bản hướng dẫn triển khai chính sách cho vay tái canh cà phê; đồng thời, có văn bản gửi Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương và UBND 5 tỉnh Tây Nguyên đề nghị phối hợp với ngành ngân hàng trong việc triển khai chương trình này, với mức cho vay tới 150 triệu đồng/ha, thời hạn vay đến 8 năm đối với việc tái canh theo phương pháp trồng mới và cho vay 80 triệu đồng/ha, thời hạn vay 4 năm đối với tái canh theo phương pháp ghép cải tạo cà phê.

Chương trình cho vay trên là giải pháp tốt nhất giúp người trồng cà phê gỡ nút thắt tài chính để tái cánh vườn cà phê; đồng thời, cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp, các HTX và nông dân có điều kiện tái canh, chăm sóc

vườn cà phê hiệu quả, từng bước nâng cao giá trị và sản lượng cây cà phê.

2. Khuyến nghị

Trong bối cảnh giá cà phê suy yếu, chỉ số giá tiêu dùng giảm thấp, lãi suất ngân hàng ở mức hấp dẫn, chính phủ đang triển khai nhiều chính sách hỗ trợ nông nghiệp (đặc biệt là chương trình tái canh cà phê) và trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang khu vực hóa, toàn cầu hóa với việc ký kết nhiều Hiệp ước FTA mà quan trọng nhất là Hiệp định TPP thì các hộ nông dân trồng cà phê và các doanh nghiệp cà phê nên tập trung vào việc tái canh cà phê, cơ cấu lại diện tích cây trồng và cơ cấu lại doanh nghiệp nhằm chuẩn bị tư thế đón đầu các trào lưu mới, cơ hội mới cũng như thách thức mới.

Biến đổi khí hậu và hiện tượng El Nino sẽ càng ngày càng khốc liệt, ảnh hưởng tới cây trồng, tới việc chăm sóc, tưới tiêu và đặc biệt là có thể bùng phát dịch bệnh.

Về việc kinh doanh cà phê, cần tích cực chuyển hướng qua sản xuất cà phê rang xay hoặc thương mại. Tránh đầu cơ tích trữ lượng lớn trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động để hạn chế rủi ro tối đa, đặc biệt là trong xu hướng thắt chặt tiền tệ của Mỹ và nới lỏng tiền tệ của các nền kinh tế ngoài Mỹ.

Nhìn chung, bối cảnh thế giới hiện tại không thuận lợi cho giá cà phê, đặc biệt là thời kỳ hoàng kim của đồng USD mạnh và giảm phát lan rộng trên toàn cầu.

Nâng cao vai trò của phụ nữ trong ngành cà phê

Lê Thị Mỹ Tâm
123 Global – 123chienluoc.com

Cà phê là một ngành hàng quan trọng tại một số nước Châu Mỹ, Châu Phi và Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Cà phê mang về kim ngạch xuất khẩu và tạo thu nhập cho các hộ nông dân.

Ngành cà phê thể hiện vai trò trong ba phương diện kinh tế quan trọng. Về phương diện thứ nhất, ngành cà phê tạo thu nhập trực tiếp, tạo việc làm và sản phẩm. Về phương diện thứ hai, cà phê được sử dụng làm đầu vào cho ngành chế biến (rang xay). Về phương diện thứ ba, cà phê được sử dụng cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Các hoạt động này làm tăng chuỗi giá trị và góp phần phát triển kinh tế cả nước.

Phát triển bền vững cộng đồng cà phê là một chiến lược quan trọng, bao hàm đến mối quan tâm bình đẳng xã hội giữa các thế hệ, trong đó có bình đẳng giới.

Một nền kinh tế cà phê bền vững cần dựa trên sự kết hợp của nhiều yếu tố khác nhau trong chuỗi giá trị, đặc biệt nhà sản xuất (bao gồm nông dân nữ) là mắt xích yếu nhất trong mối quan hệ về quyền.

Nói chính xác hơn, một người nông dân cà phê bền vững sẽ đáp ứng các mục tiêu môi trường và xã hội dài hạn có thể

cạnh tranh hiệu quả với các thành phần khác trong thị trường cà phê.

Trao quyền cho phụ nữ

Chúng ta phải làm nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu cà phê ngày càng tăng. Một cách làm quan trọng để tăng năng suất trong ngành cà phê là trao quyền cho phụ nữ trong chuỗi giá trị cà phê.

Chúng ta cần thừa nhận phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong ngành nông nghiệp này và chúng ta cần thúc đẩy để cho phụ nữ những cơ hội để khám phá triệt để tiềm năng của mình.

Có nhiều chứng cứ rõ ràng về tầm quan trọng của phụ nữ trong nông nghiệp – từ đề tài của Tổ chức Lương Nông Liên Hiệp Quốc (FAO) cho đến nghiên cứu toàn diện của Viện Chất lượng Cà phê (CQI) được trình bày tại Diễn đàn Cà phê Toàn cầu tại Milan hồi cuối tháng 9/2015.

Tổ chức FAO ước tính, tùy vào mỗi quốc gia, phụ nữ chiếm khoảng 20 – 50% lực lượng lao động nông nghiệp và chiếm 3 – 20% chủ sử dụng đất. Tuy nhiên, phụ nữ ít tiếp cận hơn nam giới đối với các nguồn lực sản xuất. Có khoảng cách về giới đáng kể đối với việc tiếp cận đất đai, tín dụng, thuốc trừ sâu và phân bón cũng như các dịch vụ khuyến nông. Phụ nữ cũng thường hạn chế hơn về thời gian do gánh nặng việc nhà và việc đồng áng. Các hộ gia đình do phụ nữ làm trụ cột thường sở hữu ít đất đai hơn và đầu ra sản phẩm nông

nghiệp ít có khả năng bán ra thị trường hơn trường hợp của nam giới.

Một phụ nữ vác cà phê tại vùng Cauca tại Colombia – Nguồn: CIAT

Chính sự mất cân bằng này khiến cho phụ nữ có năng suất lao động kém hơn nam giới.

Một nghiên cứu thực hiện do tổ chức phi chính phủ "Twin" tại London thực hiện cho thấy rằng ở một số vùng tại Đông Phi, thu nhập của nông dân là phụ nữ từ sản xuất cà phê thấp hơn 40% so với người trồng cà phê là nam giới.

Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy rằng khoảng cách về giới sẽ mất đi nếu phụ nữ được trao cùng mức độ tiếp cận đối với các yếu tố và kỹ năng sản suất như nam giới. Khi đó, phụ nữ sẽ đạt mức năng suất lao động như nam giới và có thể cải thiện đáng kể thu nhập từ sản xuất nông nghiệp.

Theo FAO, việc xóa bỏ khoảng cách về giới này có thể làm tăng năng suất của các nông trường do phụ nữ lãnh đạo thêm 20 - 30%.

Thúc đẩy bình đẳng giới trong ngành cà phê

Các cơ quan chức năng, giới chuyên môn ngành cà phê cần tiếp tục cộng tác để khắc phục những hạn chế đã và đang cản trở năng suất lao động của phụ nữ.

Chẳng hạn, phụ nữ cần được tham gia tập huấn kỹ thuật. Khả năng tiếp cận tài chính của phụ nữ cần được cải thiện. Vai trò của phụ nữ trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cần được tăng cường để khắc phục rào cản do các chuẩn mực văn hóa định hình. Các biện pháp này rất quan trọng, góp phần tăng năng suất trong ngành cà phê.

Liên đoàn Cà phê Quốc gia Colombia (FNC) đang nỗ lực mở rộng tập huấn kỹ thuật cho phụ nữ (và cả nam giới) thông qua các dịch vụ khuyến nông của Liên đoàn để nâng cao lợi nhuận từ cà phê cho người nông dân. Kết quả thực hiện đầy hứa hẹn: Số lượng người nông dân sản xuất cà phê đặc biệt tăng lên và họ được cấp chứng nhận không chỉ theo tiêu chuẩn Fair Trade USA mà còn theo nhiều tiêu chuẩn tại Bắc Mỹ và Châu Âu.

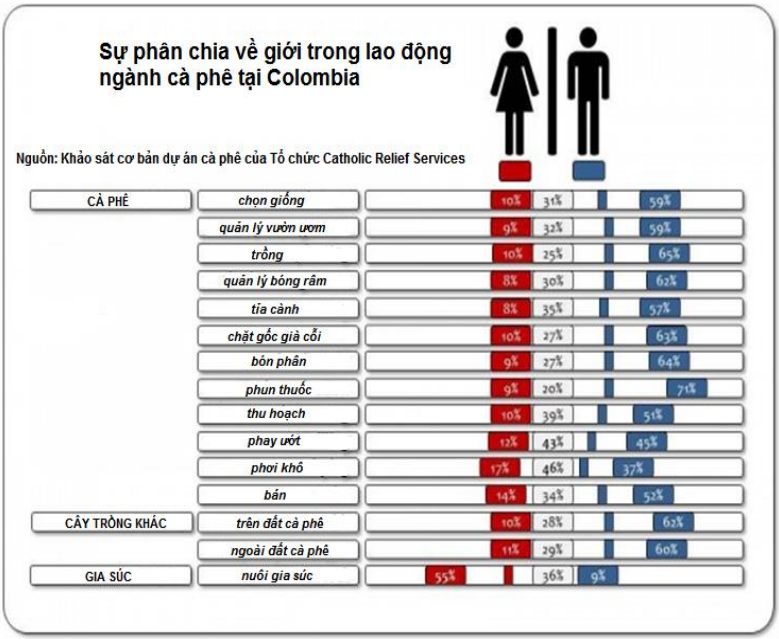

Tuy nhiên, nỗ lực thúc đẩy bình đẳng giới không nên giới hạn ở nhà sản xuất. Tăng cường vai trò của phụ nữ trong toàn bộ chuỗi giá trị cà phê cực kỳ quan trọng. Chẳng hạn, phụ nữ vẫn thiếu đại diện ở các cơ quan sản xuất và có quá ít phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo trong ngành cà phê.

Trong vài năm qua, ngành cà phê đã có những bước phát triển quan trọng khi chuyển thể lời kêu gọi bình đẳng giới thành những hành động cụ thể. Đã có nhiều sáng kiến khác nhau trong ngành cà phê nhằm thúc đẩy các cơ hội bình đẳng thông qua các sáng kiến đối với các nhà sản xuất cà phê, người tiêu thụ cà phê cũng như các nhà hoạch định chính sách cà phê.

Cộng hòa Dân chủ Congo trở thành nước thứ 6 ở Châu Phi gia nhập mạng lưới hiến chương toàn cầu của Liên minh Cà phê Phụ nữ Quốc tế (IWCA)

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), một tổ chức liên chính phủ, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu trao đổi giữa các bộ phận công và tư về các vấn đề giới. ICO cũng đã lồng ghép vấn đề giới thông qua phân tích giới sâu sắc trong thiết kế các dự án và các can thiệp hỗ trợ việc trao quyền cho phụ nữ, thông qua các nhóm sản xuất nữ hoàn toàn. ICO tiếp tục làm việc với các thành viên và đối tác nhằm tạo ra sự hiểu biết sâu sắc hơn về tầm quan trọng của bình đẳng giới trong ngành cà phê.

Điều quan trọng là phải thừa nhận bình đẳng giới vừa là một quyền con người cơ bản, vừa là nền tảng cần thiết cho một cộng đồng cà phê thịnh vượng về phương diện kinh tế. Quan niệm này được phản ánh rõ trong chương trình phát triển

bền vững mới của Liên Hiệp Quốc vào ngày 25/9/2015 tại New York: Mục tiêu 5 - Hoàn tất bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.

Nói tóm lại, để thúc đẩy tăng trưởng ở ngành cà phê một cách toàn diện và linh hoạt trong dài hạn, các ngành chức năng ngành cà phê cần phát triển các giải pháp nhằm tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội của hoạt động sản xuất cà phê. Cần tạo môi trường thuận lợi cho phụ nữ để phấn đấu và trở thành những nhà lãnh đạo trong tất cả các lĩnh vực của ngành cà phê.

Vài suy nghĩ về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)

Trúc Gia
123 Global – www.123chienluoc.com

(123 GLOBAL) - Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm 12 nước tham gia, trong đó có Việt Nam, đã chính thức đạt được thỏa thuận vào ngày 5/10/2015, trở thành hiệp định mang tính bước ngoặt của thế kỷ 21, tạo ra một tiêu chuẩn mới cho thương mại toàn cầu, với các vấn đề mang tính thế hệ mới.

Hiệp định sẽ xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và các hàng rào thương mại và đầu tư khác đối với các nước tham gia TPP.

Việt Nam hy vọng rằng TPP sẽ đảm bảo tiếp cận các thị trường nước ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn đầu tư nước ngoài chảy vào Việt Nam. Tương tự, Mỹ và các nước thành viên TPP khác xem Việt Nam là thị trường có tiềm năng phát triển.

Cắt giảm thuế quan là yếu tố chính trong TPP. Mức thuế quan cao ở một số nước tham gia TPP trước đây đã gây khó khăn cho xuất khẩu hàng hóa nông nghiệp của Việt Nam. Theo thỏa thuận của TPP, các nước tham gia TPP cam kết tạo sự tiếp cận thị trường đáng kể cho Việt Nam bằng cách giảm dần hầu hết các loại thuế (có nhiều khoản thuế giảm tức thì), thực thi việc giảm thuế hoặc cho phép một số mặt

hàng nhập khẩu nhất định với mức thuế rất thấp (nhìn chung gần như miễn thuế và vì việc xóa bỏ hoàn toàn thuế là điều không thể).

Những điểm quan trọng của Hiệp định TPP

Về xóa thuế, theo TPP, hầu hết các khoản thuế quan đối với hàng hóa nông sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ được xóa bỏ.

Về xác định mức thuế suất mới (TRQ), đối với một số sản phẩm, việc tiếp cận thị trường ưu tiên sẽ được cung cấp qua quá trình xác định mức thuế suất mới, cho phép tiếp cận một số lượng xác định các mặt hàng nhập khẩu với mức thuế suất ưu đãi, gần như bằng 0. TPP còn quy định các biện pháp bảo vệ cho phép một nước nhập khẩu đánh thuế đặc biệt vào một mặt hàng khi số lượng nhập khẩu tăng vọt, gây ra hoặc đe doạ gây ra tổn hại trầm trọng cho ngành sản xuất nội địa liên can. TPP quy định hạn chế sử dụng các biện pháp bảo vệ.

Về các biện pháp kiểm dịch động thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), TPP xây dựng và tăng cường các quy định của Hiệp định về các biện pháp kiểm dịch động thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). TPP thúc đẩy phát triển và áp dụng các biện pháp SPS theo phương thức chắc chắn về khoa học, dựa trên cơ sở rủi ro, đảm bảo các cơ quan quản lý tại Việt Nam và các nước thành viên TPP khác có thể bảo vệ an toàn thực phẩm và sức khỏe cây trồng và động vật.

Các điều khoản của hiệp định bao gồm tăng cường tính minh bạch, thông báo nhanh về các lô hàng tại thời điểm nhập khẩu và thông tin công khai hơn trong quá trình thực hiện các biện pháp SPS.

Hiệp định cũng cung cấp các cơ chế giải quyết tranh chấp và tư vấn để giải quyết các vấn đề SPS giữa các chính phủ một cách kịp thời. Điểm đặc biệt là TPP đánh dấu lần đầu tiên chủ đề *công nghệ sinh học nông nghiệp* được bao hàm trong một hiệp định thương mại song phương hoặc khu vực.

Thừa nhận công nghệ sinh học nông nghiệp là một công cụ quan trọng để đảm bảo lương thực thực phẩm cho dân số thế giới đang ngày càng tăng theo cách thức bền vững, Hiệp định bao gồm các điều khoản về công nghệ sinh học nông nghiệp cho phép các nước tham gia TPP thúc đẩy sự minh bạch trong các tiến trình quyết định của mình, cùng hợp tác đối với các tình huống về mức độ hiện diện thấp và xúc tiến kịp thời việc công nhận các sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại.

Hiệp định TPP cũng tạo ra nhóm làm việc tình nguyện nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến thương mại sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp.

Về nông nghiệp hữu cơ, TPP thúc đẩy sự hợp tác giữa các chính phủ tham gia TPP xem xét công nhận tính tương đương của các tiêu chuẩn hữu cơ. Với các điều khoản công nhận tính tương đương, thương mại về các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được tạo điều kiện.

Lợi ích của TPP đối với ngành cà phê Việt Nam

Vào năm 1990, Việt Nam chưa sản xuất nhiều cà phê, hạt điều hay tiêu đen. Hiện nay, Việt Nam là nước xuất khẩu nhất nhì thế giới về các loại hàng hóa này. Sản xuất chè để xuất khẩu cũng trở thành một ngành công nghiệp lớn.

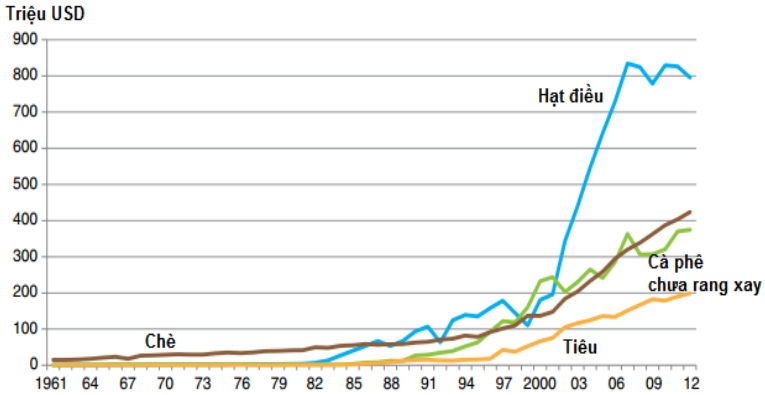

Nguồn: Dịch vụ Nghiên cứu Kinh tế - USDA, sử dụng dữ liệu từ Tổ chức FAO của Liên hiệp quốc

Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cà phê, hạt điều, tiêu, chè của Việt Nam giai đoạn 1961 - 2012

Dù nhu cầu tiêu thụ trong nước ít hoặc các loại hàng hóa này có tính tương đồng, Chính phủ Việt Nam đã khuyến khích các nhà sản xuất trồng các loại cây công nghiệp này cho thị trường xuất khẩu.

Với khí hậu thuận lợi, cùng với các chương trình hỗ trợ của Chính phủ và sự hỗ trợ khác đối với người nông dân đã giúp Việt Nam trở thành thị trường xuất khẩu các loại hàng hóa

này, góp phần làm tăng nguồn cung toàn cầu và khiến giá các hàng hóa giảm.

Trong những năm qua, người nông dân cà phê Việt Nam nhận được sự hỗ trợ từ Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam (Vicofa) và Chính phủ Việt Nam với các động thái can thiệp nhằm giảm lãi suất cho vay đối với người trồng cà phê tại các ngân hàng. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã áp dụng các biện pháp giảm thuế VAT (5%) đối với cà phê và các sản phẩm nông nghiệp khác nhằm hỗ trợ xuất khẩu.

Xuất khẩu của Việt Nam tập trung vào một số hàng hóa. Xuất khẩu cà phê và gạo chiếm hơn một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nông nghiệp cả nước.

Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) khu vực ASEAN – Australia – New Zealand (AANZFTA) và Hiệp định Thương mại Ưu đãi (PTA) Chi-lê đưa ra cam kết về việc tiếp cận miễn thuế đối với đại đa số các hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) cũng cung cấp một số thuế suất ưu đãi nhưng hạn chế hơn về quy mô. Hiệp định thương mại chủ yếu ảnh hưởng đến thương mại của Việt Nam với các nước chưa đạt được PTA toàn diện.

Tuy nhiên, trong số các nước đối tác mà Việt Nam thiếu PTA, hầu hết các hàng hóa xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam như cà phê, cao su, hạt điều và tiêu đều không được bảo vệ.

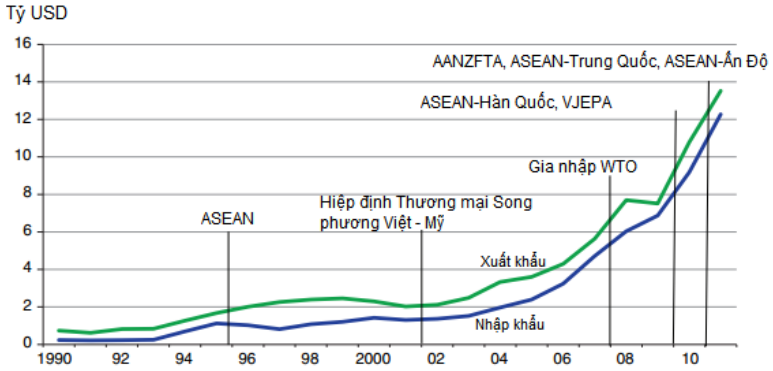

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Mỹ sử dụng số liệu từ Tổ chức FAO của Liên Hiệp Quốc

Tăng trưởng thương mại nông nghiệp và các hiệp định thương mại Việt Nam gia nhập giai đoạn 1990 - 2011

Việt Nam từng bước theo đuổi các hiệp định thương mại để mở rộng giao thương và đầu tư nhằm thúc đẩy kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao.

Hiện nay tăng trưởng kinh tế Việt Nam chậm lại cho nên Việt Nam kỳ vọng mở rộng thị trường để xuất khẩu nông sản. Việc tham gia TPP giúp Việt Nam tiếp tục con đường hội nhập kinh tế sâu rộng và phát triển.

Giới chuyên gia đánh giá Việt Nam là một trong những nước nhìn chung hưởng lợi nhiều nhất từ TPP, tuy nhiên thuận lợi đối với xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp có thể hạn chế khi đối mặt với nhiều thách thức. Hiệp định Thương mại Ưu đãi (PTA) của Việt Nam với nhiều nước tham gia TPP đã áp dụng chính sách thuế suất thấp hoặc miễn thuế suất, giúp Việt Nam mở rộng phát triển thương mại với Mỹ

và Nhật Bản là hai nước có tiềm năng tăng trưởng thương mại lớn nhất.

Tuy nhiên hai ngành hàng xuất khẩu nông nghiệp hàng đầu của Việt Nam là cà phê và cao su có ít tiềm năng để phát triển dù Việt Nam tham gia TPP.

Rào cản kỹ thuật của các nước sẽ khắt khe hơn, trong khi năng lực cạnh tranh của Việt Nam không cao dẫn đến khó tận dụng lợi ích từ việc giảm thuế quan. Điều này gây bất lợi cho nông sản Việt Nam dù thuế suất có là 0%, đó là một số nước thuộc TPP đang ra sức bảo hộ, hạn chế nhập khẩu nông sản để bảo vệ nền nông nghiệp trong nước. Nông sản là vấn đề rất khó đàm phán vì từ xưa đến nay trong khuôn khổ đàm phán các hiệp định tự do thương mại hay gia nhập WTO... nông sản luôn là lĩnh vực được các nước bảo hộ mạnh mẽ.

Đối với xuất khẩu cà phê, dù Việt Nam có vị thế rất mạnh nhưng không thể chi phối thị trường.

Khi tham gia TPP, ngành cà phê Việt Nam sẽ không có nhiều tiềm năng phát triển nhưng nếu vì thế mà chúng ta chùn bước thì chúng ta sẽ mất nhiều hơn được. Vấn đề là chúng ta phải tận dụng được thế mạnh và hạn chế mặt yếu. Khi chúng ta tham gia TPP, cần phải thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp chế biến, phải thay đổi chính sách và tái cơ cấu nông nghiệp, đồng thời hạn chế xuất khẩu nguyên vật liệu thô. TPP sẽ tạo động lực để nông nghiệp Việt Nam phát triển theo hướng này. Vì vậy, chúng ta cần tận dụng cơ hội kêu gọi đầu tư và sự hỗ trợ từ các nước thành viên TPP

khác, đặc biệt là Mỹ và Nhật Bản. Cơ sở hạ tầng và vấn đề quản lý kỹ thuật sẽ nhanh chóng được giải quyết nhờ nguồn lực mạnh từ Mỹ và mong muốn tăng cường quan hệ hợp tác Việt – Mỹ. Để đạt được điều đó, chính sách thu hút đầu tư, cải cách và mở cửa của Việt Nam cần được tiến hành nhanh, mạnh và triệt để.

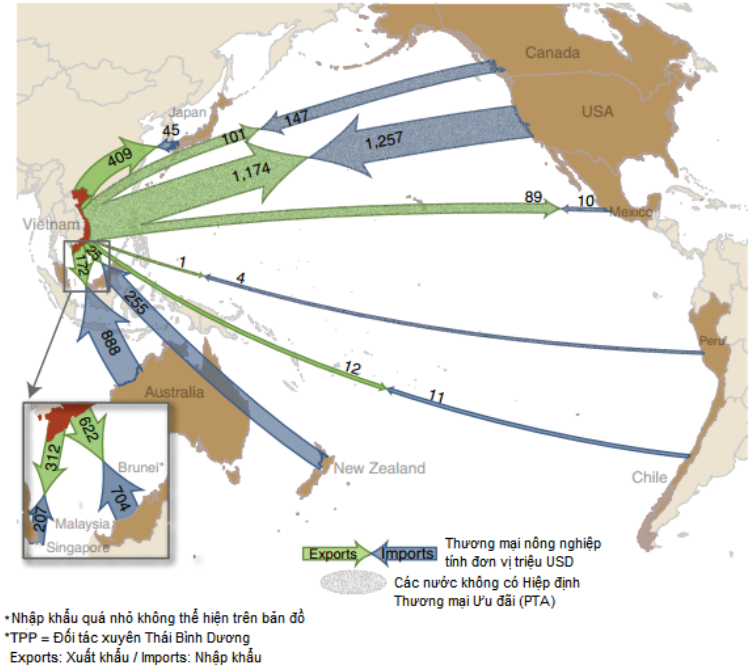

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Mỹ sử dụng số liệu thống kê của Liên Hiệp Quốc

Thương mại nông nghiệp của Việt Nam vào năm 2012 với các đối tác TPP tiềm năng

Hiện tại, Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới, xếp thứ hai thế giới về khối lượng cà phê xuất

khẩu và xếp thứ ba về kim ngạch xuất khẩu cà phê. Các nhà kinh tế cho rằng Việt Nam đang trên đường trở thành nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới trong vòng vài năm tới.

Theo báo cáo gần đây từ Bộ Công thương, cà phê Việt Nam đã tăng cường tính cạnh tranh nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi, chi phí sản xuất thấp và sản lượng cà phê tăng. Tuy nhiên, chất lượng sản phẩm cà phê thấp do công nghệ thu hoạch lạc hậu và cơ sở chế biến nghèo nàn.

Ngoài ra, cà phê Việt Nam thiếu sự công nhận nhãn hiệu và kỹ năng marketing của các nhà xuất khẩu trong nước vẫn còn hạn chế trong khi hơn 90% sản phẩm cà phê chủ yếu là nguyên vật liệu thô chưa chế biến với giá trị gia tăng thấp.

Với sự bất lợi như thế, giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam thường thấp hơn mức trung bình của thế giới. Tuy nhiên, nhờ vào vị thế chắc chắn trên thị trường toàn cầu, Việt Nam vẫn duy trì tiềm năng lớn để cải thiện chất lượng cà phê và tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cà phê.

Các nhà kinh tế cho rằng Việt Nam cần cải thiện dây chuyền sản xuất và mạng lưới phân phối, từ sản xuất, chế biến đến quá trình marketing để tăng cường kim ngạch xuất khẩu cà phê. Diện tích trồng cà phê đang giảm do cà phê trở nên già cỗi và một bộ phận người nông dân chuyển đổi sang trồng các loại cây công nghiệp khác thay thế do giá cà phê thế giới xuống thấp. Bên cạnh đó, hệ thống tưới tiêu lỗi thời cũng tạo nên sức ép cho sản lượng cà phê. Ngành cà phê Việt Nam cần tăng chất lượng sản phẩm bằng việc đầu tư thêm cho nghiên cứu, công nghệ sau thu hoạch và cơ sở chế biến.

Cần phải áp dụng các tiêu chuẩn bền vững cho sản xuất cà phê và cung cấp các sản phẩm cà phê chất lượng cao dù sức tiêu thụ trong nước thấp.

Công nghệ chế biến cà phê Việt Nam còn lạc hậu

Các chuyên gia cũng khuyến cáo ngành cà phê Việt Nam cần kiểm soát hiệu quả hơn đối với diện tích cà phê nhằm tránh sự thiếu cân bằng về cung cầu. Người trồng cà phê cũng cần theo xu thế và các quy định nghiêm ngặt để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng.

Nhìn chung, tăng trưởng xuất khẩu cà phê Việt Nam sẽ bền vững chỉ khi các nhà sản xuất, các nhà chế biến và các nhà xuất khẩu cà phê trong nước tăng cường chất lượng sản phẩm cà phê theo tiêu chuẩn quốc tế, cho dù Việt Nam tham gia TPP đối mặt với bất kỳ thách thức nào đi chăng nữa.

Điều quan trọng cần lưu ý, cộng đồng cà phê tại tỉnh Đắk Lắk đang sở hữu "Chỉ dẫn cà phê Buôn Ma Thuột", là tài sản quốc gia và là một chỉ dẫn xuất xứ hàng hóa quan trọng của ngành cà phê Việt Nam.

Người dân trồng cà phê và doanh nghiệp cà phê cần nắm vững 2 vấn đề:

- Thứ nhất là canh tác cà phê cần phải sử dụng vật tư nông nghiệp có nguồn gốc, xuất xứ từ cộng đồng TPP, nếu không sẽ không thể xuất khẩu vào cộng đồng này.

- Cần phải có chiến lược đăng ký quyền sử dụng Chỉ dẫn cà phê Buôn Ma Thuột trong canh tác và sản xuất cà phê và tận dụng những lợi thế từ tài sản quốc gia này.

Tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đối với ngành hàng cà phê Việt Nam

Dương Văn Quý
Khoa Đào tạo cơ bản
Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột

Bài viết hưởng ứng cuộc thi: "Viết về ngành hàng cà phê Việt Nam", do 123 Global phối hợp với Trường Trung Cấp Luật Buôn Ma Thuột tổ chức.

Ngày 6/10/2015 tại TP. Atlanta, Hoa Kỳ, sau hơn 5 năm, đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã chính thức hoàn tất. Đây được coi là thỏa thuận thương mại tự do lớn nhất thế giới. Hiệp định này được đàm phán từ tháng 3/2010, gồm 12 quốc gia - Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ và Việt Nam. Các vấn đề được nêu ra gồm quyền sở hữu trí tuệ, luật đầu tư nước ngoài, tiêu chuẩn môi trường và lao động, chính sách thu mua, cạnh tranh và công ty quốc doanh, quy trình xử lý tranh chấp. Sau khi hoàn tất, TPP sẽ bao phủ 40% kinh tế toàn cầu và bổ sung cho GDP thế giới thêm gần 300 tỷ USD mỗi năm. Nếu như các hiệp định thương mại trước đây thường tập trung nhiều vào vấn đề giảm thuế, thì TPP lại được coi là hiệp định thương mại toàn diện, nhắm đến việc thiết lập bộ quy tắc thương mại tiêu chuẩn cao, giải quyết các vấn đề của kinh tế toàn cầu trong thế kỷ 21, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và việc làm tại

các quốc gia châu Á – Thái Bình Dương. TPP được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều việc làm lương cao hơn, đẩy mạnh đột phá, năng suất và cạnh tranh, nâng cao chất lượng sống, giảm đói nghèo, đồng thời tăng cường minh bạch, khả năng quản trị và bảo vệ môi trường[1].

Cà phê là ngành hàng quan trọng, đóng góp 3% GDP cả nước, kim ngạch xuất khẩu nhiều năm nay đều trên 3 tỷ USD[2].

Khi tham gia TPP thì ngành hàng cà phê Việt Nam gặp những cơ hội và thách thức nhất định.

1. Những cơ hội của TPP đối với ngành hàng cà phê Việt Nam

Thứ nhất, về thương mại. Hiện nay, trong các nước thành viên TPP có 02 quốc gia áp dụng mức thuế nhập khẩu cà phê Việt Nam là Mexico (20,0%) và Peru (11,0%)[3]. Như vậy, khi tham gia TPP thì cà phê Việt Nam khi nhập khẩu vào hai thị trường trên có cơ hội giảm thuế còn 0%.

Thứ hai, về đầu tư và khoa học công nghệ. Việt Nam đang khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng mới các nhà máy chế biến cà phê tiêu dùng (cà phê bột, cà phê hòa tan,…) với công nghệ thiết bị hiện đại, sản phẩm đa

---

[1] TS. Đặng Kim Khôi, "Việt Nam tham gia TPP: cơ hội và thách thức cho nông nghiệp", http://ipsard.gov.vn/news/tID8295_Viet-Nam-tham-gia-TPP-Co-hoi-va-thach-thuc-cho-nong-nghiep.html,

[2] http://xttm.mard.gov.vn/Site/vi-vn/61/50/143/87613/Default.aspx

[3] TS. Đặng Kim Khôi, tlđd.

dạng chất lượng cao đảm bảo an toàn thực phẩm và đáp ứng tốt thị hiếu người tiêu dùng[4]. Khi tham gia TPP, với việc dần xóa bỏ bảo hộ nông nghiệp, Việt Nam sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài có khoa học công nghệ hiện đại, thay thế cách làm truyền thống kém hiệu quả. Chẳng hạn, ở Việt Nam tình trạng hái cà phê bằng tay, không nâng cao năng suất, nguyên nhân do nhiều người dân chưa có điều kiện mua máy móc, thiết bị công nghệ cao; công tác tái canh lại cây cà phê ở Tây Nguyên để nâng cao năng suất triển khai còn chậm do thiếu vốn; lãi suất vay vốn cho tái canh còn cao chưa hấp dẫn đối với các hộ sản xuất và doanh nghiệp đầu tư trồng tái canh cây cà phê[5]. Nếu có những đầu tư đúng đắn về vốn và khoa học công nghệ thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng cà phê Việt Nam. Tập quán canh tác, chăm sóc của người trồng vẫn chưa được cải thiện nhiều. Cơ cấu giống cây nhiều nơi chưa phù hợp, diện tích cà phê già cỗi tăng lên… góp phần làm giảm chất lượng hạt cà phê. Khi thu hoạch, nông dân thường bỏ quả tươi vào máy xay làm tróc vỏ để giảm thời gian phơi, nhưng khi gặp mưa dễ làm hạt cà phê bị mốc; lúc đó lại dùng củi đốt nên hạt cà phê bị ám khói, mất màu tự nhiên. Chưa kể, việc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị còn hạn chế.

---

[4] Quyết định số 1987/QĐ-BNN-TT ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành cà phê Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
http://baochinhphu.vn/Thi-truong/Phat-trien-nganh-Ca-phe-Co-hoi-va-thach%20thuc/218014.vgp.

Thứ ba, về hợp tác và nâng cao năng lực. Hiệp định TPP đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các doanh nghiệp nhỏ hơn, cộng đồng vùng nông thôn, phụ nữ và các nhóm có thu nhập xã hội thấp. Ở Việt Nam, các tỉnh trồng nhiều cà phê nhất ở khu vực Tây Nguyên gồm: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông, Gia Lai – đây là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như thiếu lao động lành nghề, cơ sở hạ tầng kém phát triển, sự chung đụng của nhiều sắc dân trong một vùng đất nhỏ và với mức sống còn thấp. Việt Nam với tư cách là thành viên của TPP thì sẽ góp phần nâng cao năng lực, cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội cho vùng Tây Nguyên.

2. Những thách thức của TPP đối với ngành hàng cà phê Việt Nam

Thứ nhất, thách thức về kỹ thuật và môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Nạn trộm cắp cà phê vào lúc thu hoạch ngày càng trở nên trầm trọng, gây "đau đầu" đối với người trồng cà phê và đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng cà phê. Vì để đối phó với nạn "cà phê tặc" người dân sẽ chọn giải pháp "xanh nhà hơn già đồng" - thu hoạch cà phê sớm khi còn nhiều quả xanh sẽ làm giảm chất lượng cà phê khi chế biến và xuất khẩu[6]. Mặt khác, sau khi thu hoạch cà phê, phơi sấy khô ở Việt Nam, người trồng cà phê sẽ bán cho các thương lái là những người trung gian đóng vai trò quan trọng trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ cà phê và các người này sử dụng đầu cơ và các thủ thuật khác để kiếm lời như thêm chất phụ gia, nhồi thêm các hạt vỡ, đen, kém chất

[6]http://baochinhphu.vn/Thi-truong/Phat-trien-nganh-Ca-phe-Co-hoi-va-thach-thuc/218014.vgp.

lượng, thậm chí còn dùng kim loại đặt vào bao cà phê để tăng khối lượng. Thực trạng nữa đó là bụi ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất cà phê vì các công ty cà phê phải trải qua công đoạn làm sạch nhiều lần mới có thể đóng gói mang đi xuất khẩu[7]. Đó là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng cũng như năng suất của cà phê Việt Nam. Khi tham gia TPP, để xâm nhập và chiếm lĩnh được những thị trường giá trị cao và quy mô lớn như Hoa Kỳ và Nhật Bản, thì cà phê Việt Nam cần vượt qua được các hàng rào kỹ thuật (TBT) và các biện pháp kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS). Bên cạnh đó, các quy định khác TPP về bảo vệ bản quyền, vấn đề lao động, nguồn gốc xuất xứ… cũng rất chặt chẽ. Phía Việt Nam còn nhiều hạn chế trong những nội dung này. Chẳng hạn như Việt Nam sử dụng lao động trẻ em vào việc thu hoạch cà phê, mức lương tối thiểu chưa đáp ứng được đời sống người lao động… Tâm lý e ngại đến các cơ quan nhà nước làm thủ tục bảo vệ bản quyền cũng như ý thức pháp luật của đa số doanh nghiệp chưa cao… dẫn đến việc bảo vệ bản quyền sản phẩm cà phê chưa được thực hiện nghiêm túc.

Thứ hai, thách thức về minh bạch hóa, hành chính và thể chế. Hiện nay, ở Việt Nam, thủ tục hành chính vẫn là khó khăn lớn mà nhiều doanh nghiệp phải đối mặt. Trong số gần 7.000 ý kiến phản ánh trong khảo sát chỉ số PCI của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam năm 2014, có tới gần 860 ý kiến (12%) cho rằng, đây là khó khăn mà các

[7]http://nhipcaudautu.vn/thi-truong/hang-hoa/tiem-nang-cong-nghiep-ca-phe-viet-nam-3145463/#axzz3pmGoSA82

doanh nghiệp đang gặp phải. Trong số 8.093 doanh nghiệp trả lời khảo sát, có tới 23% cho biết họ phải dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước. Gần 30% doanh nghiệp cho biết họ vẫn phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký, và vẫn có khoảng 38% doanh nghiệp không đồng ý với nhận định rằng, thủ tục giấy tờ đã đơn giản hơn. Cũng gần 30% doanh nghiệp trả lời khảo sát cho biết, họ không nhận thấy bất kỳ sự thay đổi đáng kể nào trong cải cách hành chính hiện nay. Về công tác cán bộ, trong khi vẫn có gần 1/4 các doanh nghiệp cho rằng, cán bộ nhà nước giải quyết công việc chưa hiệu quả, thì cũng có tới gần 1/3 doanh nghiệp cho rằng cán bộ nhà nước không thân thiện

BẢNG XẾP HẠNG CỦA VIỆT NAM TRÊN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ THỂ CHẾ THEO CÔNG BỐ CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI

Chỉ tiêu	Xếp hạng trên 144 nước
Thể chế	92
Thể chế công	85
Luật về sở hữu	104
Chi phí ngoài pháp luật và đút lót	109
Chi phí ngoài pháp luật và đút lót cho xuất, nhập khẩu	121
Chi phí ngoài pháp luật và đút lót cho nộp thuế hàng năm	104
Chi phí ngoài pháp luật và đút lót để nhận được kết quả tư pháp thuận lợi	117
Hiệu quả của Chính phủ	91
Gánh nặng của quy định của Chính phủ	101
Tính minh bạch của quá trình soạn thảo chính sách của Chính phủ	116

khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp. Những lĩnh vực mà doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính bao gồm: Đất đai (21%), thuế (17%), bảo hiểm xã hội (13%), xây dựng (9%), bảo vệ môi trường (6,5%) và đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư (6%) (VCCI, 2014)[8]. Mặt khác, Bảng xếp hạng của Việt Nam trên một số tiêu chí cơ bản về thể chế theo công bố của diễn đàn kinh tế thế giới[9] thì Việt Nam ở mức rất thấp. Hiệp định TPP với các tiêu chuẩn rất cao về quản trị minh bạch và hành xử khách quan sẽ giúp Việt Nam tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý Nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương và phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Để tận dụng được những cơ hội, khắc phục được những hạn chế trên, Việt Nam cần nâng cao chất lượng, hiệu quả ngành hàng cà phê từ tất cả các giai đoạn từ trực tiếp sản xuất đến kinh doanh, từ nhà nước, xã hội, doanh nghiệp và cả mỗi người dân. Cùng với những cơ hội thì khó khăn cũng là điều kiện, động lực để Việt Nam nâng cao chất lượng, hiệu quả ngành hàng cà phê khi tham gia TPP.

---

[8]ThS. Nguyễn Cảnh Toàn, "Cải cách thủ tục hành chính: nhìn từ góc độ thể chế", http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010070/0/20573/Cai_cach_thu_tuc_hanh_chinh_Nhin_tu_goc_do_the_che.

[9]http://www.thesaigontimes.vn/119899/Cai-cach-hanh-chinh-can-dem-lai-hieu-qua-thiet-thuc.html

Tài liệu tham khảo:

Nội dung cơ bản của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)

Tài liệu trích từ Báo điện tử Chính Phủ:
www.chinhphu.vn

Ngày 5/10/2015, Bộ trưởng của 12 nước tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam đã tuyên bố kết thúc đàm phán. Cổng TTĐT Chính phủ xin giới thiệu với bạn đọc tóm tắt về Hiệp định lịch sử này.

CÁC ĐẶC ĐIỂM CHÍNH TPP

Có 5 đặc điểm chính làm TPP trở thành một hiệp định mang tính bước ngoặt của thế kỷ 21, tạo ra một tiêu chuẩn mới cho thương mại toàn cầu trong khi vẫn đề cập tới các vấn đề mang tính thế hệ mới. Các đặc điểm đó bao gồm:

Tiếp cận thị trường một cách toàn diện. Hiệp định TPP cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế về căn bản đối với tất cả thương mại hàng hóa và dịch vụ và điều chỉnh toàn bộ các lĩnh vực về thương mại trong đó có thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư nhằm tạo ra các cơ hội và lợi ích mới cho doanh nghiệp, người lao động và người tiêu dùng của các nước thành viên.

Tiếp cận mang tính khu vực trong việc đưa ra các cam kết. Hiệp định TPP tạo thuận lợi cho việc phát triển sản xuất và dây chuyền cung ứng, cũng như thương mại không gián đoạn, đẩy mạnh tính hiệu quả và hỗ trợ thực hiện mục tiêu về tạo việc làm, nâng cao mức sống, thúc đẩy các nỗ lực bảo tồn và tạo thuận lợi cho việc hội nhập qua biên giới cũng như mở cửa thị trường trong nước.

Giải quyết các thách thức mới đối với thương mại. Hiệp định TPP thúc đẩy việc đổi mới, năng suất và tính cạnh tranh thông qua việc giải quyết các vấn đề mới, trong đó bao gồm việc phát triển nền kinh tế số và vai trò ngày càng tăng của các doanh nghiệp Nhà nước trong nền kinh tế toàn cầu.

Bao hàm toàn bộ các yếu tố liên quan đến thương mại. Hiệp định TPP bao gồm các yếu tố mới được đưa ra để bảo đảm rằng các nền kinh tế ở tất cả các cấp độ phát triển và doanh nghiệp thuộc mọi quy mô đều có thể hưởng lợi từ thương mại. Hiệp định bao gồm các cam kết nhằm giúp đỡ các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu rõ về Hiệp định, tận dụng được những cơ hội mà Hiệp định mang lại và nêu lên những thách thức đáng chú ý tới chính phủ các nước thành viên. Hiệp định cũng bao gồm những cam kết cụ thể về phát triển và nâng cao năng lực thương mại để đảm bảo rằng tất cả các bên đều có thể đáp ứng được những cam kết trong Hiệp định và tận dụng được đầy đủ những lợi ích của Hiệp định.

Nền tảng cho hội nhập khu vực. Hiệp định TPP được ra đời để tạo ra nền tảng cho việc hội nhập kinh tế khu vực và

được xây dựng để bao hàm cả những nền kinh tế khác xuyên khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

PHẠM VI

Hiệp định TPP gồm có 30 chương điều chỉnh thương mại và các vấn đề liên quan tới thương mại, bắt đầu từ thương mại hàng hóa và tiếp tục với hải quan và thuận lợi hóa thương mại; vệ sinh kiểm dịch động thực vật; hàng rào kỹ thuật đối với thương mại; quy định về phòng vệ thương mại; đầu tư; dịch vụ; thương mại điện tử; sở hữu trí tuệ; lao động; môi trường; các chương về "các vấn đề xuyên suốt" nhằm bảo đảm Hiệp định TPP đạt được tiềm năng của mình về phát triển, tính cạnh tranh và tính bao hàm; giải quyết tranh chấp; ngoại lệ và các điều khoản về thể chế.

Như đã đề cập ở phía trên, bên cạnh việc nâng cấp cách tiếp cận truyền thống đối với những vấn đề đã được điều chỉnh bởi các hiệp định thương mại tự do trước đó (FTAs), Hiệp định TPP còn đưa vào những vấn đề thương mại mới và đang nổi lên cũng như những vấn đề xuyên suốt. Những vấn đề này bao gồm những nội dung liên quan đến Internet và nền kinh tế số, sự tham gia ngày càng tăng của các doanh nghiệp Nhà nước vào thương mại và đầu tư quốc tế, khả năng của các doanh nghiệp nhỏ trong việc tận dụng các hiệp định thương mại và những nội dung khác.

Hiệp định TPP tập hợp một nhóm các nước khác nhau – khác nhau về địa lý, ngôn ngữ và lịch sử, quy mô và mức độ phát triển. Tất cả các nước TPP đều nhận thức rằng tính đa dạng về phát triển là một tài sản độc đáo nhưng cũng yêu

cầu sự hợp tác chặt chẽ, xây dựng năng lực cho các nước TPP có trình độ phát triển thấp hơn, và trong một số trường hợp, giai đoạn chuyển đổi và cơ chế đặc biệt cho phép một số thành viên TPP một khoảng thời gian bổ sung cần thiết để nâng cao năng lực thực thi các nghĩa vụ mới.

TẠO RA CÁC QUY TẮC THƯƠNG MẠI KHU VỰC

Dưới đây là bản tóm tắt 30 chương của Hiệp định TPP. Các lộ trình cam kết và phụ lục được quy định kèm theo các chương này liên quan tới thương mại hàng hóa và dịch vụ, đầu tư, mua sắm chính phủ và nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh. Ngoài ra, chương về Doanh nghiệp Nhà nước bao gồm các ngoại trừ của từng nước được quy định trong phụ lục kèm theo chương.

1.Các điều khoản ban đầu và định nghĩa chung

Nhiều thành viên TPP đang có các hiệp định với nhau. Chương về Các điều khoản ban đầu và định nghĩa chung giải thích rõ mối quan hệ giữa TPP với các hiệp định thương mại quốc tế đang có giữa các bên, trong đó có Hiệp định WTO, các hiệp định song phương và khu vực. Chương này cũng đưa ra các định nghĩa cho các thuật ngữ được sử dụng trong nhiều hơn một chương của Hiệp định.

2. Thương mại hàng hóa

Các bên tham gia TPP nhất trí xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa công nghiệp và xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan cũng như các

chính sách mang tính hạn chế khác đối với hàng hóa nông nghiệp. Việc tiếp cận mang tính ưu đãi thông qua Hiệp định TPP sẽ làm gia tăng thương mại giữa các nước TPP với thị trường gồm 800 triệu dân và sẽ hỗ trợ cho việc làm chất lượng cao tại tất cả 12 nước thành viên. Việc xóa bỏ phần lớn thuế quan đối với hàng công nghiệp sẽ được thực hiện ngay lập tức mặc dù thuế quan đối với một số mặt hàng sẽ được xóa bỏ với lộ trình dài hơn do các bên thống nhất. Việc cắt giảm thuế cụ thể do các bên thống nhất được quy định tại lộ trình cam kết bao gồm tất cả hàng hóa và được đính kèm theo lời văn của Hiệp định. Các bên tham gia TPP sẽ công bố các lộ trình này và những thông tin khác liên quan tới thương mại hàng hóa để bảo đảm rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các doanh nghiệp lớn có thể tận dụng được Hiệp định TPP. Các bên cũng nhất trí không sử dụng các yêu cầu về thực hiện như là điều kiện để một số nước áp đặt cho các doanh nghiệp để được hưởng các lợi ích về thuế quan. Ngoài ra, các bên nhất trí không áp dụng các hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu và các loại thuế không phù hợp với WTO, bao gồm cả đối với hàng tân trang - việc này được cho là sẽ thúc đẩy việc tái chế tất cả các bộ phận để chuyển thành các sản phẩm mới. Nếu các Bên TPP duy trì yêu cầu cấp phép nhập khẩu hoặc xuất khẩu thì phải thông báo cho các bên kia về những quy trình không nhằm mục đích làm chậm sự lưu thông thương mại.

Đối với hàng nông nghiệp, các bên sẽ xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và các chính sách mang tính hạn chế khác để gia tăng thương mại hàng nông nghiệp trong khu vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao an ninh lương thực và hỗ trợ

việc làm cho người nông dân và chủ trại nuôi gia súc của các nước TPP. Bên cạnh việc xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan, các bên TPP nhất trí thúc đẩy cải cách về mặt chính sách, bao gồm cả việc thông qua xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp, hợp tác trong WTO để xây dựng các quy định về tín dụng xuất khẩu và giới hạn khoảng thời gian cho phép áp dụng các hạn chế đối với xuất khẩu lương thực nhằm bảo đảm hơn nữa an ninh lương thực trong khu vực. Các bên tham gia TPP nhất trí nâng cao tính minh bạch hóa liên quan đến việc vận hành doanh nghiệp thương mại nhà nước xuất khẩu và đưa ra các quy định hạn chế việc cấp vốn ưu đãi từ Chính phủ hoặc các chính sách khác gây bóp méo thương mại nông sản, cũng như yêu cầu về minh bạch hóa và phối hợp trong các hoạt động cụ thể liên quan đến công nghệ sinh học nông nghiệp và nông nghiệp hữu cơ.

3. Dệt may

Các bên tham gia TPP nhất trí xóa bỏ thuế quan đối với hàng dệt may – ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng vào tăng trưởng kinh tế tại một số thị trường của các nước TPP. Hầu hết thuế quan sẽ được xóa bỏ ngay lập tức, mặt dù thuế quan đối với một số mặt hàng nhạy cảm sẽ được xóa bỏ với lộ trình dài hơn do các bên thống nhất. Chương Dệt may cũng bao gồm các quy tắc xuất xứ cụ thể yêu cầu việc sử dụng sợi và vải từ khu vực TPP - điều này sẽ thúc đẩy việc thiết lập các chuỗi cung ứng và đầu tư khu vực trong lĩnh vực này, cùng với cơ chế "nguồn cung thiếu hụt" cho phép việc sử dụng một số loại sợi và vải nhất định không có sẵn trong khu vực. Ngoài ra, Chương này còn bao gồm các cam

kết về hợp tác và thực thi hải quan nhằm ngăn chặn việc trốn thuế, buôn lậu và gian lận cũng như cơ chế tự vệ đặc biệt đối với dệt may để đối phó với thiệt hại nghiêm trọng hoặc nguy cơ bị thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước trong trường hợp có sự gia tăng đột biến về nhập khẩu.

4. Quy tắc xuất xứ

Để gỡ rối tình trạng "bát mỳ ống" của quy tắc xuất xứ gây trở ngại cho doanh nghiệp trong việc tận dụng các FTA trước đó trong khu vực, thúc đẩy chuỗi cung ứng khu vực và bảo đảm rằng các nước TPP sẽ là những người hưởng lợi chính của Hiệp định hơn là các nước không phải là thành viên, 12 nước thành viên TPP đã thống nhất về một bộ quy tắc xuất xứ chung để xác định một hàng hóa cụ thể "có xuất xứ" và do vậy được hưởng thuế quan ưu đãi trong TPP. Quy tắc xuất xứ cụ thể theo mặt hàng được quy định kèm theo lời văn của Hiệp định. Hiệp định TPP quy định về "cộng gộp" để các nguyên liệu đầu vào từ một bên TPP được đối xử như những nguyên liệu từ một bên khác nếu được sử dụng để sản xuất ra một sản phẩm tại bất kỳ một bên TPP. Các bên tham gia TPP cũng đưa ra các quy tắc để bảo đảm rằng doanh nghiệp có thể hoạt động một cách dễ dàng xuyên khu vực TPP thông qua việc thiết lập một hệ thống chung trên toàn TPP về chứng minh và kiểm tra xuất xứ của hàng hóa TPP. Các nhà nhập khẩu sẽ có thể yêu cầu được hưởng ưu đãi về xuất xứ với điều kiện họ có các chứng từ chứng minh. Ngoài ra, Chương này cung cấp cho các cơ quan có thẩm

quyền công cụ cần thiết để xác minh các yêu cầu về hưởng ưu đãi một cách có hiệu quả.

5. Quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại

Bên cạnh các nỗ lực trong khuôn khổ WTO về thuận lợi hóa thương mại, các bên TPP đã nhất trí về các quy tắc nhằm thúc đẩy việc tạo thuận lợi cho thương mại, nâng cao tính minh bạch hóa trong các thủ tục hải quan và bảo đảm tính chính trực trong việc quản lý hải quan. Những quy tắc này sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp TPP bao gồm cả doanh nghiệp vừa và nhỏ, khuyến khích các quy trình vận hành thủ tục hải quan nhanh chóng và thúc đẩy chuỗi cung ứng khu vực. Các bên TPP đã nhất trí minh bạch hóa các quy tắc, trong đó có việc công bố các luật và quy định về hải quan cũng như quy định về giải phóng hàng hóa không chậm chễ và ký quỹ hoặc thanh toán bắt buộc trong trường hợp hải quan chưa đưa ra quyết định về số thuế hoặc phí phải trả. Các nước TPP nhất trí áp dụng những quy định thông báo trước về xác định trị giá hải quan và các vấn đề khác nhằm giúp cho doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp lớn và nhỏ, kinh doanh với khả năng có thể dự báo trước được tình hình. Các nước cũng nhất trí về các quy định liên quan tới xử phạt hải quan để bảo đảm các hình thức xử phạt này được thực hiện một cách công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, vì tầm quan trọng của chuyển phát nhanh đối các lĩnh vực kinh doanh, trong đó có các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nước TPP đã nhất trí về các quy định hải quan đối với chuyển phát nhanh. Để hỗ trợ việc chống buôn lậu và trốn thuế, các

nước TPP nhất trí cung cấp thông tin khi được yêu cầu để hỗ trợ lẫn nhau trong việc thực thi luật hải quan.

6. Các biện pháp vệ sinh, kiểm dịch động thực vật

Liên quan đến việc cải tiến các quy định về SPS, các nước TPP đã chia sẻ mối quan tâm trong việc bảo đảm các quy định dựa trên căn cứ khoa học mang tính minh bạch, không phân biệt đối xử, và tái khẳng định quyền của các nước trong việc bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ sức khỏe vật nuôi và cây trồng tại nước mình. Hiệp định TPP dựa trên các quy định của Hiệp định SPS của WTO về xác định và quản lý rủi ro theo một cách không hạn chế thương mại hơn mức cần thiết. Các nước TPP nhất trí cho phép công chúng được đóng góp ý kiến vào các dự thảo quy định SPS trong quá trình đưa ra quyết định và ban hành chính sách cũng như để bảo đảm rằng doanh nghiệp hiểu rõ các quy định mà họ sẽ phải tuân thủ. Các nước nhất trí rằng việc kiểm tra hàng hóa đáp ứng các quy định SPS được dựa trên các rủi ro tiềm tàng trên thực tế có gắn với việc nhập khẩu và thông báo cho nhà nhập khẩu hoặc xuất khẩu trong vòng bảy ngày nếu hàng hóa bị cấm nhập khẩu vì lý do liên quan đến SPS. Các bên cũng nhất trí rằng các biện pháp khẩn cấp cần thiết để bảo vệ sức khỏe con người, động thực vật có thể được thực hiện với điều kiện bên thực hiện biện pháp đó phải thông báo cho tất cả các bên về sự cần thiết mang tính khoa học của biện pháp được áp dụng. Ngoài ra, các bên cam kết cải thiện việc trao đổi thông tin liên quan tới các yêu cầu về tương đương và khu vực hóa, cũng như đẩy mạnh việc kiểm tra trên toàn hệ thống để đánh giá tính đầy đủ trong việc

kiểm soát về mặt quy định đối với an toàn thực phẩm của các bên TPP. Trong nỗ lực giải quyết nhanh các vấn đề SPS phát sinh giữa các bên, các bên đã nhất trí thiết lập một cơ chế tham vấn giữa các chính phủ.

7. Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)

Các thành viên TPP đã nhất trí về các nguyên tắc minh bạch và không phân biệt đối xử khi xây dựng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, trong khi vẫn bảo lưu quyền của các thành viên TPP trong quản lý vì các lợi ích công cộng. Các thành viên TPP đồng ý hợp tác để đảm bảo rằng các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật không tạo ra rào cản không cần thiết đối với thương mại. Để cắt giảm chi phí cho các doanh nghiệp TPP, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, các thành viên TPP nhất trí các quy định giúp xóa bỏ các quy trình kiểm tra và chứng nhận trùng lắp đối với các sản phẩm, thiết lập quy trình dễ dàng hơn giúp các công ty tiếp cận thị trường các nước TPP. Trong Hiệp định TPP, các thành viên phải cho phép công chúng góp ý đối với dự thảo các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp trong quá trình xây dựng chính sách và để đảm bảo rằng các thương nhân hiểu rõ các quy định mà họ cần phải thực hiện. Các thành viên cũng sẽ đảm bảo một khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố các quy định kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp và thời điểm có hiệu lực để các doanh nghiệp có đủ thời gian đáp ứng các yêu cầu mới. Ngoài ra, Hiệp định TPP bao gồm các phụ lục liên quan tới các quy định về các lĩnh vực cụ thể nhằm thúc đẩy các cách tiếp cận chung về chính sách trong khu vực TPP.

Các lĩnh vực này bao gồm mỹ phẩm, thiết bị y tế, dược phẩm, các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông, rượu và đồ uống có cồn, thực phẩm và các chất gây nghiện và các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

8. Phòng vệ thương mại

Chương Phòng vệ thương mại thúc đẩy minh bạch hóa và quy trình thủ tục trong các vụ kiện phòng vệ thương mại thông qua việc công nhận các thực tiễn tốt nhất nhưng không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các thành viên TPP trong WTO. Chương này đưa ra một cơ chế tự vệ tạm thời, cho phép một thành viên thực hiện một biện pháp tự vệ tạm thời trong một khoảng thời gian cụ thể nếu việc nhập khẩu tăng đột biến do kết quả của việc cắt giảm thuế được thực hiện theo Hiệp định TPP đủ để gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước. Các biện pháp này có thể được duy trì lên tới 2 năm, với việc gia hạn 1 năm, nhưng phải được tự do hóa dần dần nếu các biện pháp này đã kéo dài hơn 1 năm. Các thành viên áp dụng các biện pháp tự vệ sẽ phải thực hiện các yêu cầu thông báo và tham vấn. Chương này cũng đưa ra các quy định yêu cầu một thành viên TPP đang áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời cung cấp khoản bồi thường được các bên thống nhất. Đồng thời, các thành viên không được cùng lúc áp dụng nhiều hơn một biện pháp tự vệ được cho phép trong TPP đối với một sản phẩm.

9. Đầu tư

Khi xây dựng các quy định về đầu tư, các thành viên TPP đã đưa ra các nguyên tắc yêu cầu các chính sách và bảo hộ đầu tư công bằng và không phân biệt đối xử nhằm bảo đảm nguyên tắc cơ bản của luật pháp, trong khi vẫn bảo đảm khả năng của Chính phủ các thành viên để đạt được các mục tiêu chính sách công hợp pháp. TPP quy định sự bảo hộ đầu tư cơ bản như trong các hiệp định thương mại khác, bao gồm: đối xử quốc gia; đối xử tối huệ quốc; "tiêu chuẩn đối xử tối thiểu" đối với đầu tư trên cơ sở tập quán luật thương mại quốc tế; nghiêm cấm việc trưng thu không vì mục đích công cộng, không theo quy trình thủ tục và không có bồi thường; tự do chuyển tiền liên quan đến đầu tư với các ngoại lệ trong Hiệp định TPP nhằm đảm bảo cho các Chính phủ giữ quyền linh hoạt quản lý các dòng vốn không ổn định, bao gồm thông qua biện pháp tự vệ tạm thời không phân biệt đối xử (chẳng hạn như kiểm soát vốn) nhằm hạn chế việc chuyển tiền liên quan đến đầu tư trong trường hợp khủng hoảng hoặc có nguy cơ khủng hoảng cán cân thanh toán, và các cuộc khủng hoảng kinh tế khác hoặc để đảm bảo sự toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính; nghiêm cấm "các yêu cầu thực hiện" chẳng hạn như yêu cầu về hàm lượng nội địa hoặc tỷ lệ nội địa hóa công nghệ; và tự do bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao mà không quan tâm đến quốc tịch.

Các thành viên chấp nhận các nghĩa vụ dựa trên cơ sở "một danh mục chọn bỏ", nghĩa là thị trường các nước là mở hoàn toàn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, trừ khi các thành viên đưa ra một ngoại lệ (biện pháp bảo lưu không tương

thích) trong một trong hai Phụ lục cụ thể của quốc gia đó đính kèm Hiệp định TPP: (1) các biện pháp hiện hành trong đó một quốc gia chấp nhận nghĩa vụ không đưa ra các biện pháp hạn chế hơn trong tương lai và ràng buộc bất kỳ sự tự do hóa nào trong tương lai, và (2) các biện pháp và chính sách mà theo đó một quốc gia duy trì quyền tự do làm theo ý mình một cách đầy đủ trong tương lai. Chương này cũng đưa ra trọng tài quốc tế trung lập và minh bạch đối với các tranh chấp về đầu tư, với cơ chế tự vệ mạnh mẽ nhằm ngăn chặn các khiếu nại lạm dụng và không đáng kể và đảm bảo quyền của các Chính phủ quản lý lợi ích công cộng, bao gồm bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường. Cơ chế tự vệ theo quy trình bao gồm: quy trình trọng tài minh bạch, đệ trình của các bên quan tâm, đệ trình của bên thứ ba; việc rà soát được tiến hành đối với các khiếu nại không đáng kể và quyết định về phí luật sư; rà soát tạm thời và cơ chế quyết định; diễn giải chung mang tính ràng buộc của các bên TPP; các hạn chế thời gian thực hiện khiếu nại; và các quy định nhằm ngăn chặn bên nguyên đơn theo đuổi một khiếu nại theo các quy trình song song.

10. Thương mại dịch vụ qua biên giới

Trên cơ sở tầm quan trọng ngày càng tăng của thương mại dịch vụ đối với các thành viên TPP, 12 quốc gia chia sẻ sự quan tâm về tự do hóa thương mại trong lĩnh vực này. TPP bao gồm các nghĩa vụ cốt lõi trong WTO và các hiệp định thương mại khác: đối xử quốc gia; đối xử tối huệ quốc; mở cửa thị trường yêu cầu không thành viên TPP nào có thể áp dụng các hạn chế định lượng đối với việc cung cấp dịch vụ

(chẳng hạn như một hạn chế về số lượng các nhà cung cấp hoặc số lượng các dịch vụ) hoặc yêu cầu thành lập một loại thực thể pháp lý hoặc liên doanh cụ thể; và hiện diện địa phương, nghĩa là không một nước nào có thể yêu cầu một nhà cung cấp dịch vụ từ một quốc gia khác thiết lập một văn phòng hoặc liên kết hoặc cư trú trong lãnh thổ của mình để được cung cấp dịch vụ. Các thành viên TPP chấp nhận các nghĩa vụ dựa trên cơ sở "một danh mục chọn bỏ", nghĩa là thị trường các nước là mở hoàn toàn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, trừ khi các thành viên đưa ra một ngoại lệ (biện pháp bảo lưu không tương thích) trong một trong hai Phụ lục cụ thể của quốc gia đó đính kèm Hiệp định TPP: (1) các biện pháp hiện hành trong đó một quốc gia chấp nhận nghĩa vụ không đưa ra các biện pháp hạn chế hơn trong tương lai và ràng buộc bất kỳ sự tự do hóa nào trong tương lai, và (2) các biện pháp và chính sách mà theo đó một quốc gia duy trì quyền tự do làm theo ý mình một cách đầy đủ trong tương lai.

Các thành viên TPP cũng đồng ý quản lý các biện pháp áp dụng chung theo cơ chế hợp lý, khách quan và công bằng; và chấp nhận các yêu cầu về minh bạch hóa trong xây dựng các quy định mới về dịch vụ. Các lợi ích của chương này có thể bị từ chối đối với "các doanh nghiệp bên ngoài TPP" và một nhà cung cấp dịch vụ được sở hữu bởi các bên không phải là thành viên TPP và một thành viên TPP nghiêm cấm các giao dịch cụ thể với bên đó. Các thành viên TPP đồng ý cho phép tự do chuyển tiền liên quan tới cung cấp dịch vụ qua biên giới với các ngoại lệ của Hiệp định TPP nhằm đảm bảo cho các Chính phủ giữ quyền linh hoạt quản lý các dòng

vốn không ổn định, bao gồm thông qua biện pháp tự vệ tạm thời không phân biệt đối xử (chẳng hạn như kiểm soát vốn) nhằm hạn chế việc chuyển tiền cung cấp dịch vụ qua biên giới trong hoàn cảnh khủng hoảng hoặc có nguy cơ khủng hoảng cán cân thanh toán, và các cuộc khủng hoảng kinh tế khác hoặc để đảm bảo sự toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính.

Thêm vào đó, Chương này bao gồm phụ lục dịch vụ chuyên môn nhằm khuyến khích hoạt động hợp tác về công nhận việc cấp giấy phép hoặc các vấn đề chính sách khác và phụ lục về dịch vụ chuyển phát nhanh.

11. Dịch vụ tài chính

Chương Dịch vụ tài chính của TPP cung cấp các cơ hội mở cửa thị trường đầu tư và qua biên giới quan trọng, trong khi đảm bảo rằng các thành viên TPP duy trì quyền quản lý đầy đủ đối với các tổ chức và thị trường tài chính, thực hiện các biện pháp khẩn cấp trong trường hợp khủng hoảng.

Chương này bao gồm các nghĩa vụ cốt lõi tìm thấy trong các hiệp định thương mại khác, bao gồm: Đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc, các quy định cụ thể của Chương Đầu tư, bao gồm Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu (chẳng hạn như cho phép các khiếu nại bị từ chối tại tòa hoặc không được cung cấp bảo vệ an ninh) tuân theo các tập quán luật thương mại quốc tế (ví dụ như các khiếu nại về một số hành động của chính phủ không nằm trong nghĩa vụ pháp lý chung), cũng như các khiếu nại vì các thiệt hại do nội chiến (ví dụ như thua lỗ gây ra do xung đột vũ trang hoặc nội chiến); và mở

cửa thị trường. Điều này cho phép việc bán dịch vụ tài chính cụ thể qua biên giới sang một thành viên TPP từ một nhà cung cấp dịch vụ của một thành viên TPP khác mà không yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ phải thành lập cơ sở hoạt động tại một nước khác để bán các dịch vụ của mình – nhưng cho phép một thành viên TPP yêu cầu đăng ký hoặc được ủy quyền của nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới ở nước TPP khác nhằm giúp đảm bảo việc quản lý và giám sát thích hợp. Một nhà cung cấp dịch vụ của một thành viên TPP có thể cung cấp một dịch vụ tài chính mới tại thị trường của nước TPP khác nếu các công ty trong nước tại thị trường này được phép cung cấp dịch vụ đó. Các thành viên TPP có các ngoại lệ cụ thể của mình đối với một số các quy định trong hai phụ lục đính kèm Hiệp định TPP: (1) các biện pháp hiện hành trong đó một quốc gia chấp nhận nghĩa vụ không đưa ra các biện pháp hạn chế hơn trong tương lai và ràng buộc bất kỳ sự tự do hóa nào trong tương lai, và (2) các biện pháp và chính sách mà theo đó một quốc gia duy trì quyền tự do làm theo ý mình một cách đầy đủ trong tương lai.

Các thành viên TPP cũng đưa ra các nguyên tắc công nhận chính thức tầm quan trọng của quy trình hoạch định chính sách để giải quyết việc đưa ra các dịch vụ bảo hiểm của các nhà cung cấp được cấp phép và các quy trình để đạt được mục tiêu này. Thêm vào đó, Hiệp định TPP bao gồm các cam kết cụ thể về quản lý danh mục đầu tư, dịch vụ thanh toán thẻ điện tử và chuyển thông tin để xử lý dữ liệu. Hiệp định cũng bao gồm các quy định cụ thể về tranh chấp đầu tư liên quan tới tiêu chuẩn đối xử tối thiểu trên cơ sở tập quán

luật thương mại quốc tế, cũng như các quy định liên quan tới các chuyên gia dịch vụ tài chính trong ban trọng tài và cơ chế trình tự đặc biệt nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng ngoại lệ thận trọng và các ngoại lệ khác của Chương. Cuối cùng, Hiệp định bao gồm các ngoại lệ duy trì quyền linh hoạt lớn cho các nhà quản lý tài chính của TPP thực hiện các biện pháp thúc đẩy sự ổn định tài chính và sự toàn vẹn của hệ thống tài chính bao gồm các ngoại lệ thận trọng và ngoại lệ về các biện pháp không phân biệt đối xử nhằm theo đuổi các chính sách tiền tệ hoặc chính sách cụ thể khác.

12. Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh

Chương Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền của các thành viên TPP cung cấp thông tin về việc nộp đơn xin nhập cảnh, để đảm bảo rằng phí nộp đơn là hợp lý, đưa ra quyết định đối với đơn xin nhập cảnh và thông tin cho các ứng viên nộp đơn về quyết định là sớm nhất có thể. Các thành viên TPP đồng ý đảm bảo rằng các yêu cầu về nhập cảnh tạm thời là sẵn sàng công khai cho công chúng, bao gồm công bố thông tin kịp thời và trực tuyến nếu có thể và cung cấp tài liệu giải thích; và các bên đồng ý tiếp tục hợp tác về các vấn đề nhập cảnh tạm thời chẳng hạn như xử lý thị thực. Đa số các thành viên TPP cũng đã cam kết về mở cửa thị trường khách kinh doanh cho nhau, theo như Phụ lục cụ thể của từng nước đính kèm Hiệp định TPP.

13. Viễn thông

Các thành viên TPP chia sẻ sự quan tâm trong việc đảm bảo mạng lưới viễn thông hiệu quả và đáng tin cậy tại mỗi quốc gia. Các mạng lưới này là cần thiết đối với các công ty lớn và nhỏ như là một cổng ra vào đối với các dịch vụ internet cũng như các sản phẩm như điện thoại di động thông minh và các thiết bị máy tính bảng và các ứng dụng và nội dung tích hợp của các thiết bị này. Lần đầu tiên trong một hiệp định thương mại khu vực, các quy định tiếp cận mạng lưới hỗ trợ cạnh tranh được mở rộng đối với các nhà cung cấp điện thoại. Các thành viên TPP cam kết đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trong lãnh thổ của mình cung cấp sự kết nối nội địa, các dịch vụ cho thuê thiết bị, địa điểm dùng chung, và tiếp cận các cổng hoặc thiết bị khác theo các điều khoản và điều kiện hợp lý và theo một thời gian kịp thời. Các thành viên cũng cam kết, nếu có yêu cầu cấp giấy phép, đảm bảo minh bạch hóa về bất kỳ quy định nào trong lĩnh vực này và quy định đó không giới hạn các công nghệ cụ thể như cách thức nhằm tạo điều kiện cho công nghệ trong nước. Nhằm tránh các thất bại thị trường hoặc các hành vi độc quyền, các thành viên TPP đồng ý dựa trên áp lực thị trường và các đàm phán thương mại trong lĩnh vực viễn thông. Các thành viên cũng đồng ý thúc đẩy cạnh tranh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các phương tiện khác nhau trong chuyển vùng di động. Các thành viên TPP đồng ý rằng nếu một thành viên lựa chọn quản lý mức phí dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế bán buôn thì thành viên đó phải cho phép các nhà hoạt động từ

các thành viên TPP không quản lý các dịch vụ điện thoại được hưởng lợi ích với mức phí thấp hơn.

14. Thương mại điện tử

Trong Chương Thương mại điện tử, các thành viên TPP cam kết đảm bảo rằng các công ty và người tiêu dùng có thể tiếp cận và chuyển dữ liệu, với các mục tiêu chính sách công hợp pháp, chẳng hạn như quyền riêng tư, nhằm đảm bảo tự do lưu chuyển thông tin và dữ liệu toàn cầu, dẫn dắt nền kinh tế Internet và kỹ thuật số. 12 thành viên TPP cũng đồng ý không yêu cầu các công ty TPP thiết lập các trung tâm dữ liệu để lưu trữ dữ liệu như là một điều kiện để được hoạt động tại một thị trường TPP và thêm vào đó, mã nguồn của phần mềm không được yêu cầu lưu chuyển hoặc tiếp cận. Chương này nghiêm cấm việc áp dụng thuế quan đối với các sản phẩm kỹ thuật số và ngăn chặn các thành viên TPP tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp dịch vụ trong nước đối với các sản phẩm kỹ thuật số này thông qua các biện pháp như thuế phân biệt đối xử hoặc sự ngăn cấm một cách rõ ràng. Để bảo vệ người tiêu dùng, các thành viên TPP đồng ý thông qua và duy trì các luật bảo vệ người tiêu dùng liên quan đến các hoạt động thương mại gian lận và lừa bịp trực tuyến và đảm bảo rằng sự riêng tư và sự bảo vệ người tiêu dùng khác sẽ có hiệu lực tại các thị trường TPP. Các thành viên cũng được yêu cầu phải có các biện pháp để chấm dứt các tin nhắn thương mại điện tử được gửi đi không do yêu cầu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại điện tử, chương này bao gồm các quy định khuyến khích các nước TPP thúc đẩy thương mại không

giấy tờ giữa các doanh nghiệp và chính phủ, chẳng hạn như các mẫu khai thuế quan được đưa ra dưới dạng điện tử, cũng như cung cấp chứng minh xác thực và chữ ký điện tử cho các giao dịch thương mại. 12 thành viên TPP đồng ý hợp tác để giúp đỡ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tận dụng lợi thế của thương mại điện tử và Chương này khuyến khích hợp tác chính sách liên quan tới việc bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến, sự đe dọa của tội phạm máy tính và khả năng của tội phạm máy tính.

15. Mua sắm chính phủ

Các thành viên TPP cùng quan tâm tới mở cửa thị trường mua sắm chỉnh phủ rộng lớn của nhau thông qua các quy tắc công bằng, minh bạch, có thể dự đoán, và không phân biệt đối xử. Trong chương Mua sắm chính phủ, các thành viên TPP cam kết với những nguyên tắc chính về đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử. Các thành viên cũng đồng ý công bố các thông tin liên quan một cách kịp thời, để các nhà cung cấp có đủ thời gian nhận được hồ sơ dự thầu và nộp bản chào thầu, để đối xử với các nhà thầu một cách công bằng, bình đẳng, và để duy trì tính bảo mật cho các nhà thầu. Thêm vào đó, các thành viên đồng ý sẽ sử dụng các mô tả kỹ thuật công bằng và khách quan, sẽ chỉ duyệt hợp đồng dựa trên những tiêu chí đánh giá đã mô tả trong các thông báo và hồ sơ dự thầu, sẽ xây dựng các quy trình hợp lý để chất vấn hoặc xem xét các khiếu nại đối với một phê duyệt nào đó. Mỗi thành viên sẽ đưa ra một danh sách chọn cho các đơn vị mà thành viên đó sẽ xây dựng, được liệt kê tại phụ lục gắn liền với Hiệp định TPP.

16. Chính sách cạnh tranh

Các thành viên TPP cùng quan tâm bảo đảm một khung khổ cạnh tranh bình đẳng trong khu vực thông qua những quy định yêu cầu các thành viên TPP duy trì hệ thống luật pháp cấm những hành vi kinh doanh phi cạnh tranh, cũng như những hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo, gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Các thành viên TPP đồng ý sẽ thông qua hoặc duy trì hệ thống luật cạnh tranh quốc gia cấm hành vi kinh doanh phi cạnh tranh và sẽ làm việc để áp dụng những luật lệ này vào tất cả các hoạt động kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ của mình. Để đảm bảo những luật lệ này được thực thi một cách hiệu quả, các thành viên TPP đồng ý sẽ thành lập hoặc duy trì các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về việc thực thi luật cạnh tranh quốc gia, và thông qua hoặc duy trì luật lệ hoặc quy định cấm các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Các thành viên cũng đồng ý sẽ hợp tác, trong trường hợp có thể, về những vấn đề các bên cùng quan tâm liên quan đến các hoạt động cạnh tranh. 12 thành viên đồng ý với những nghĩa vụ liên quan đến thủ tục hợp lý và tính công bằng trong quy trình, cũng như quyền cá nhân đối với những hành động gây ra tổn hại do vi phạm luật cạnh tranh của một thành viên. Thêm vào đó, các thành viên TPP đồng ý hợp tác trong phạm vi chính sách cạnh tranh và thực thi luật cạnh tranh, bao gồm thông qua thông báo, tham vấn hoặc trao đổi thông tin. Chương này không thuộc đối tượng điều chỉnh của các quy định về giải quyết tranh chấp của Hiệp định TPP, nhưng các

thành viên TPP có thể tham vấn để xử lý những quan ngại liên quan đến chương này.

17. Doanh nghiệp Nhà nước (SOEs)

Tất cả các thành viên TPP đều có SOEs, thường đóng vai trò cung cấp dịch vụ công và các hoạt động khác, nhưng các thành viên TPP đều nhận thấy lợi ích của việc thống nhất một khung khổ quy định về cạnh tranh liên quan đến các SOEs. Chương SOEs điều chỉnh những SOEs chủ yếu tham gia vào các hoạt động thương mại. Các thành viên nhất trí bảo đảm rằng các SOEs của mình sẽ tiến hành các hoạt động thương mại trên cơ sở tính toán thương mại, trừ trường hợp không phù hợp với nhiệm vụ mà các SOEs đó đang phải thực hiện để cung cấp các dịch vụ công. Các thành viên cũng đồng ý bảo đảm rằng các SOEs hoặc đơn vị độc quyền sẵn có không có những hoạt động phân biệt đối xử đối với các doanh nghiệp, hàng hóa, dịch vụ của các thành viên khác. Các thành viên đồng ý trao cho tòa án quyền tài phán đối với các hoạt động thương mại của các SOEs nước ngoài và bảo đảm rằng các cơ quan hành chính quản lý cả các SOEs và doanh nghiệp tư nhân cũng làm như vậy một cách công bằng. Các thành viên TPP đồng ý sẽ không tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với lợi ích của các thành viên TPP khác khi cung cấp hỗ trợ phi thương mại cho các SOEs, hay làm tổn hại đến ngành trong nước của thành viên khác thông qua việc cung cấp các hỗ trợ phi thương mại cho SOEs sản xuất và bán hàng hóa trên lãnh thổ của SOEs khác đó. Các thành viên TPP đồng ý chia sẻ danh sách các SOEs với các thành viên khác và khi được yêu cầu sẽ cung cấp các

thông tin bổ sung về mức độ sở hữu hoặc kiểm soát của chính phủ và những hỗ trợ phi thương mại cung cấp cho các SOEs. Chương này cũng tạo ra các trường hợp ngoại lệ cho các SOEs không có ảnh hưởng trên thị trường TPP, cũng như những ngoại lệ cụ thể theo từng nước, được quy định trong các phụ lục, gắn liền với Hiệp định TPP.

18. Sở hữu trí tuệ

Chương Sở hữu trí tuệ (IP) trong TPP điều chỉnh các lĩnh vực về bằng sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền, bí mật thương mại, các hình thức khác của quyền sở hữu trí tuệ, và việc thực thi các quyền về sở hữu trí tuệ, cũng như các lĩnh vực mà các thành viên đồng ý hợp tác.

Chương này xây dựng tiêu chuẩn cho bằng sáng chế, lấy từ Hiệp định TRIPS của WTO và những thông lệ quốc tế tốt nhất. Về nhãn hiệu, chương này làm rõ và củng cố việc bảo vệ tên nhãn hiệu và những dấu hiệu khác mà các doanh nghiệp và cá nhân sử dụng để phân biệt sản phẩm của họ trên thị trường. Chương này cũng yêu cầu các thành viên đưa vào cả tính minh bạch và quy trình bảo vệ phù hợp liên quan đến việc bảo vệ những chỉ dẫn địa lý mới, bao gồm cả những chỉ dẫn địa lý đã được công nhận hoặc được bảo vệ ở những hiệp định quốc tế khác. Việc bảo vệ này bao gồm cả việc phân định rõ mối quan hệ giữa nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý, cũng như việc bảo vệ việc sử dụng những thuật ngữ thường dùng.

Chương IP sẽ tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu

trí tuệ ở các thị trường mới, và đây là điều rất cấn thiết cho các doanh nghiệp nhỏ.

Bên cạnh đó, chương này cũng bao gồm những điều khoản thích hợp liên quan đến dược phẩm tạo điều kiện cho cả việc phát triển các loại thuốc cứu sinh mới cũng như việc phổ biến các loại thuốc thông dụng, có tính đến thời gian từng thành viên cần để đáp ứng được các tiêu chuẩn này. Chương này bao gồm những cam kết liên quan đến việc bảo vệ mật kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác để có được quyền marketing dược phẩm và hóa phẩm nông nghiệp. Chương này cũng tái khẳng định cam kết của các thành viên với Tuyên bố 2001 của WTO về Hiệp định TRIPS và Sức khỏe cộng đồng và cụ thể là xác nhận rằng các thành viên không bị hạn chế áp dụng các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bao gồm cả trong trường hợp có những đại dịch như HIV/AIDS.

Về bản quyền, chương IP xây dựng những cam kết liên quan đến quyền của người sáng chế, và tạo ra bảo hộ rõ rệt đối với các tác phẩm như bài hát, phim, sách, và phần mềm, và bao gồm những điều khoản cân đối và hiệu quả về các biện pháp bảo vệ công nghệ và thông tin quản lý bản quyền. Bên cạnh các cam kết này, chương này cũng bao gồm một nghĩa vụ - lần đầu tiên xuất hiện trong bất kỳ hiệp định thương mại nào – để các thành viên có thể liên tục cố gắng đạt được sự cân bằng trong hệ thống bản quyền thông qua, trong số những nội dung khác, những ngoại lệ và hạn chế - bao gồm cả những nội dung trong môi trường số - để phục vụ những mục đích chính đáng, như phê bình, góp ý, báo cáo tin tức,

dạy học, học bổng, và nghiên cứu. Chương này yêu cầu các thành viên phải thông qua hoặc duy trì một khung khổ về vùng an toàn cho các nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP). Các nghĩa vụ này không cho phép các thành viên tạo ra các vùng an toàn ngẫu nhiên để giám sát hệ thống của các IPS tìm kiếm nội dung vi phạm.

Chương này yêu cầu các thành viên TPP cung cấp các công cụ hợp pháp để ngăn ngừa việc sử dụng sai các bí mật thương mại, và xây dựng các quy trình thủ tục và xử phạt hình sự đối với tội phạm trộm cắp bí mật thương mại, bao gồm cả trộm cắp qua mạng.

Cuối cùng, các thành viên TPP đồng ý cung cấp các hệ thống chế tài mạnh, bao gồm cả những quy trình thủ tục dân sự, các biện pháp tạm thời, các biện phảp quản lý biên giới, và chế tài hình sự đối với tội giả mạo nhãn hiệu và vi phạm bản quyền.

19. Lao động

Tất cả các thành viên TPP đều là thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và thừa nhận mối liên hệ giữa quyền của người lao động với thương mại. Trong TPP, các thành viên đồng ý thông qua và duy trì trong luật và thông lệ của mình các quyền cơ bản của người lao động như được thừa nhận trong Tuyên bố 1998 của ILO, đó là quyền tự do liên kết và quyền thương lượng tập thể; xóa bỏ lao động cưỡng bức; xóa bỏ lao động trẻ em và cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; và loại bỏ sự phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp. Các thành viên cũng đồng ý có

luật quy định mức lương tối thiểu, số giờ làm việc, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Những cam kết này áp dụng cả với các khu chế xuất. 12 thành viên TPP đồng ý không miễn trừ hoặc giảm hiệu lực của luật lệ quy định việc thực thi các quyền cơ bản của người lao động để thu hút thương mại hoặc đầu tư, và sẽ thực thi hiệu quả luật liên quan đến lao động một cách bền vững hoặc đều đặn có thể có ảnh hưởng tới thương mại hoặc đầu tư giữa các thành viên TPP. Bên cạnh các cam kết của các thành viên xóa bỏ lao động cưỡng bức trong nước mình, chương Lao động bao gồm cả những cam kết không khuyến khích việc nhập khẩu hàng hóa được sản xuất bằng lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em, hoặc sử dụng đầu vào được sản xuất ra bằng lao động cưỡng bức, bất kể nước xuất xứ có nằm trong TPP hay không. Mỗi thành viên TPP đều cam kết bảo đảm khả năng tiếp cận với hệ thống thủ tục hành chính và tư pháp công bằng, không thiên vị và minh bạch và sẽ cung cấp các biện pháp khắc phục hiệu quả những vi phạm luật lao động của mình. Các thành viên cũng đồng ý cho phép sự tham gia của công chúng vào việc thực thi chương Lao động, bao gồm cả việc xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến đóng góp của công chúng và đáp ứng các yêu cầu về thông tin.

Các cam kết tại chương này là đối tượng điều chỉnh của các thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại chương Giải quyết tranh chấp. Để thúc đẩy việc giải quyết nhanh các vấn đề về lao động giữa các thành viên TPP, chương Lao động cũng xây dựng cơ chế đối thoại mà các thành viên có thể lựa chọn áp dụng để cố gắng giải quyết bất cứ vấn đề nào về lao động trong chương này giữa các thành viên. Cơ chế đối

thoại này cho phép việc xem xét nhanh các vấn đề và cho phép các thành viên cùng nhất trí với chương trình hành động để xử lý vấn đề. Chương Lao động tạo ra một cơ chế hợp tác về các vấn đề về lao động, bao gồm cả các cơ hội để các bên đóng góp xác định phạm vi hợp tác và tham gia, nếu phù hợp và các thành viên cùng tham gia, trong các hoạt động hợp tác.

20. Môi trường

Với tư cách là ngôi nhà đối với của một phần quan trọng của thế giới hoang dã, các giống cây trồng và sinh vật biển, các thành viên TPP chia sẻ một cam kết mạnh mẽ nhằm bảo vệ và bảo tồn môi trường, bao gồm cả việc các thành viên làm việc với nhau nhằm giải quyết các thách thức về môi trường, ví dụ như ô nhiễm môi trường, buôn bán động vật hoang dã, khai thác trái phép, đánh bắt trái phép và bảo vệ môi trường biển. Trong khuôn khổ của Hiệp định TPP, 12 thành viên nhất trí đối với thực thi có hiệu quả pháp luật về môi trường và không làm suy giảm hệ thống pháp luật về môi trường nhằm mục đích khuyến khích thương mại và đầu tư. Các bên cũng nhất trí thực thi các nghĩa vụ theo Công ước về Thương mại quốc tế đối với các loài động thực vật nguy cấp (CITES) và thực hiện các biện pháp nhằm đấu tranh và tăng cường hợp tác để ngăn chặn thương mại về động thực vật hoang dã được tiến hành một cách bất hợp pháp. Ngoài ra, các thành viên cũng đồng ý thúc đẩy quản lý phát triển rừng bền vững, bảo vệ và bảo tồn các loài động vật và giống cây hoang dã được xác định là nguy cấp trong lãnh thổ của nước mình, trong đó bao gồm cả các hành động mà các Bên tiến

hành nhằm bảo tồn toàn vẹn sinh thái của các vùng tự nhiên được bảo vệ đặc biệt, ví dụ như khu vực đầm lầy. Trong nỗ lực bảo vệ vùng đại dương chung, các thành viên TPP nhất trí đối với quản lý bền vững nghề cá, thúc đẩy việc bảo tồn các loài sinh vật biển quan trọng, ví dụ như cá mập, đấu tranh chống đánh bắt trái phép, cũng như nghiêm cấm một số hình thức trợ cấp nghề cá có tác động tiêu cực nhất dẫn đến tình trạng khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên cá. Các hình thức trợ cấp này ảnh hưởng tiêu cực đến dự trữ cá và tiếp tay cho các hoạt động đánh bắt trái phép, không được thống kê và không được pháp luật quy định. Các bên nhất trí tăng cường tính minh bạch liên quan đến các chương trình trợ cấp và nỗ lực hết sức ngăn chặn việc đưa ra các hình thức trợ cấp mới dẫn đến đánh bắt cạn kiệt và vượt quá trữ lượng các nguồn tài nguyên.

Các thành viên TPP cũng nhất trí bảo vệ môi trường biển khỏi ô nhiễm đánh bắt và bảo vệ tầng ô zôn khỏi các chất gây phá hủy. Các thành viên tái khẳng định cam kết của họ trong việc thực thi Hiệp định nhiều bên về môi trường (MEAs) mà họ là thành viên. Các thành viên cam kết minh bạch trong các vấn đề khi đưa ra, thực thi và thúc đẩy các quyết định về môi trường. Ngoài ra, các thành viên nhất trí đối với việc tạo điều kiện cho cộng đồng đóng góp đối với việc thực thi Chương Môi trường thông qua các phiên xem xét và đánh giá việc thành lập Ủy ban về Môi trường nhằm giám sát việc thực thi chương này. Chương này cũng bao gồm cam kết về minh bạch hóa trong việc thực thi và tuân thủ và các đối tượng của quy trình giải quyết tranh chấp được quy định trong Chương Giải quyết tranh chấp. Các

thành viên còn nhất trí khuyến khích các sáng kiến tự nguyện về môi trường, ví dụ như các chương trình hợp tác về trách nhiệm xã hội. Cuối cùng, các bên cam kết hợp tác và giải quyết các vấn đề thuộc mối quan tâm chung, trong đó bao gồm các khu vực bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, và thời gian chuyển đổi sang các nền kinh tế có mức khí thải thấp và phát triển bền vững.

21. Hợp tác và Nâng cao năng lực

12 nền kinh tế thành viên TPP rất đa dạng về trình độ phát triển. Mọi thành viên đều nhận thức rằng các thành viên kém phát triển hơn của Hiệp định TPP có thể phải đối mặt với các thách thức nhất định khi thực thi hiệp định, tận dụng tối đa lợi thế về cơ hội do hiệp định này tạo ra và đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các doanh nghiệp nhỏ hơn, cộng đồng vùng nông thôn, phụ nữ và các nhóm thu nhập xã hội thấp hơn. Nhằm giải quyết các thách thức trên, chương Hợp tác và Nâng cao năng lực thiết lập một Ủy ban về Hợp tác và Nâng cao năng lực nhằm phát hiện và rà soát các khu vực có tiềm năng hợp tác và xây dựng năng lực trên cơ sở tự nguyện và sự sẵn có của các nguồn lực. Ủy ban này sẽ thúc đẩy trao đổi thông tin nhằm hỗ trợ các yêu cầu về hợp tác và nâng cao năng lực.

22. Cạnh tranh và Tạo thuận lợi kinh doanh

Chương Cạnh tranh và Tạo thuận lợi kinh doanh nhằm mục tiêu giúp cho TPP đạt được các tiềm năng của khu vực nhằm phát triển sức cạnh tranh của các thành viên tham gia hiệp định và của cả khu vực nói chung. Chương này tạo nên các

cơ chế chính thức nhằm rà soát tác động của TPP lên sức cạnh tranh của các thành viên thông qua các cuộc đối thoại giữa các chính phủ và giữa chính phủ với doanh nghiệp và cộng đồng, tập trung tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực nhằm đánh giá sự phát triển, tận dụng lợi thế của các cơ hội mới, và giải quyết bất cứ các thách thức có thể nổi lên khi Hiệp định TPP có hiệu lực. Trong số các giải pháp này có việc thành lập Ủy ban về Cạnh tranh và Tạo thuận lợi kinh doanh. Ủy ban này sẽ nhóm họp thường xuyên nhằm rà soát tác động của Hiệp định TPP lên sức cạnh tranh của khu vực và quốc gia, và lên hệ thống kinh tế khu vực. Ủy ban sẽ xem xét các khuyến nghị và đề xuất từ các đối tượng liên quan đối với các cách thức mà Hiệp định TPP có thể thúc đẩy hơn nữa sự cạnh tranh, bao gồm cả việc tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào chuỗi cung ứng khu vực. Chương này cũng thiết lập một khung cơ bản dành cho Ủy ban để đánh giá hoạt động của chuỗi cung ứng theo Hiệp định, trong đó bao gồm các cách thức để thúc đẩy sự tham gia của SME vào chuỗi cung ứng và rà soát đóng góp của các đố tượng liên quan và các chuyên gia.

23. Phát triển

Các thành viên TPP tìm kiếm giải pháp nhằm đảm bảo Hiệp định TPP sẽ là một hình mẫu của sự hội nhập thương mại và kinh tế tiêu chuẩn cao, và đặc biệt nhằm đảm bảo mọi Thành viên TPP có thể thu được các lợi ích từ hiệp định, có đầy đủ năng lực để thực thi các cam kết của mình và nổi lên như các nền kinh tế thịnh vượng hơn và thị trường mạnh mẽ hơn cho tất cả các thành viên. Chương Phát triển gồm có 3

lĩnh vực cơ bản được coi như dành cho các chương trình hợp tác khi Hiệp định có hiệu lực. Các lĩnh vực này bao gồm: (1) tăng trưởng kinh tế toàn diện và cơ bản bao gồm có phát triển bền vững, giảm đói nghèo và thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ; (2) thúc đẩy phụ nữ và kinh tế, trong đó có việc hỗ trợ phụ nữ xây dựng năng lực và các kỹ năng, tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ với thị trường, đạt được kỹ năng về công nghệ thông tin và tài chính, thiết lập mạng lưới lãnh đạo nữ giới, và chỉ ra các thực tiễn tốt nhất trong ứng dụng linh hoạt trong môi trường công việc; và (3) giáo dục, khoa học và công nghệ, nghiên cứu và sáng tạo. Chương này cũng thiết lập Ủy ban TPP về phát triển - là cơ quan sẽ nhóm họp thường xuyên để thúc đẩy các chương trình hợp tác tự nguyện trong các lĩnh vực này và các cơ hội mới khi nó phát sinh.

24. Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các nước TPP chia sẻ mối quan tâm đến việc thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vào thương mại và bảo đảm rằng các doanh nghiệp nhỏ và vừa chia sẻ các lợi ích của Hiệp định TPP. Bên cạnh những cam kết tại các chương khác của Hiệp định về tiếp cận thị trường, giảm các công việc giấy tờ, tiếp cận internet, thuận lợi hóa thương mại, chuyển phát nhanh và các nội dung khác, chương về Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm các cam kết của mỗi bên về thiết lập một trang web thân thiện với người sử dụng dành cho đối tượng sử dụng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ để dễ dàng tiếp cận các thông tin về Hiệp định TPP và những cách thức mà các doanh nghiệp nhỏ có thể tận dụng

Hiệp định này, bao gồm cả việc diễn giải các điều khoản của Hiệp định TPP liên quan tới doanh nghiệp vừa và nhỏ; các quy định và thủ tục liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ; các quy định về đầu tư nước ngoài; các thủ tục về đăng ký kinh doanh; các quy định về lao động và các thông tin về thuế. Ngoài ra, Chương này quy định việc thành lập Ủy ban Doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiến hành họp định kỳ để rà soát mức độ hỗ trợ của Hiệp định TPP cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cân nhắc các cách thức để nâng cao hơn nữa những lợi ích của Hiệp định và giám sát các hoạt động hợp tác hoặc nâng cao năng lực để hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua tư vấn xuất khẩu, hỗ trợ, đào tạo cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; chia sẻ thông tin; cấp vốn thương mại và các hoạt động khác.

25. Gắn kết môi trường chính sách

Chương Gắn kết môi trường chính sách của TPP sẽ giúp mở ra một môi trường thông thoáng, bình đẳng và dễ dự đoán dành cho các doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường TPP bằng cách khuyến khích minh bạch hóa, công bằng và hợp tác giữa các chính phủ để đạt được một phương thức tiếp cận chính sách một cách gắn kết. Chương này nhằm mục đích tạo thuận lợi về gắn kết môi trường chính sách tại mỗi quốc gia TPP bằng việc thúc đẩy các cơ chế cho quá trình tham vấn và hợp tác giữa các cơ quan nội bộ một cách hiệu quả. Chương này cũng khuyến khích việc chấp nhận rộng rãi các chính sách tốt, ví dụ như các đánh giá tác động của các biện pháp chính sách được đề xuất, trao đổi thông tin của các nhóm nền tảng cho quá trình chọn lựa các chính

sách thay thế và bản chất của chính sách được giới thiệu. Chương này còn bao gồm các điều khoản nhằm giúp đảm bảo các chính sách rõ ràng, chính xác về mặt văn bản, theo đó cộng đồng có thể tiếp cận thông tin đối với các biện pháp chính sách mới, nếu có thể thì theo hình thức trực tuyến, và các biện pháp chính sách hiện hành đã được rà soát định kỳ nhằm quyết định xem các biện pháp đó đang còn là các công cụ hiệu quả nhất để đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài ra, chương cũng khuyến khích các chính phủ TPP cung cấp các thông báo thường niên về tất cả các biện pháp chính sách mà chính phủ đó định thực hiện. Cuối cùng, chương cũng thiết lập một Ủy ban mà theo đó sẽ cung cấp cho các quốc gia TPP, doanh nghiệp và cộng đồng tiếp tục có các cơ hội báo cáo về quá trình thực thi, chia sẻ kinh nghiệm về các thực tiễn tốt nhất, và xem xét các khu vực có tiềm năng hợp tác. Chương này, dưới bất kỳ hình thức nào, không ảnh hưởng đến quyền của các thành viên trong việc đưa ra các chính sách về sức khỏe cộng đồng, an toàn, an ninh và các lý do vì lợi ích công cộng khác.

26. Minh bạch hóa và chống tham nhũng

Chương Minh bạch hóa và chống tham nhũng có mục đích thúc đẩy các mục tiêu, được chia sẻ bởi toàn bộ các Bên tham gia Hiệp định, tăng cường quản trị tốt và xử lý những ảnh hưởng xói mòn của việc hối lộ và tham nhũng lên nền kinh tế. Theo Chương này, các bên tham gia TPP phải đảm bảo rằng, trong chừng mực có thể, luật pháp, quy định và các quy chế hành chính có liên quan tới bất kỳ vấn đề nào được quy định bởi Hiệp định TPP sẽ được công bố công

khai và tiếp nhận các nhận xét. Các bên sẽ đảm bảo quyền lợi theo quy trình thủ tục đối với tố tụng hành chính cho các bên liên quan đến TPP, bao gồm việc nhanh chóng xem xét thông qua các tòa án hoặc thủ tục tố tụng hành chính hoặc quan tòa công bằng. Các Bên cũng đồng ý áp dụng hoặc duy trì luật hình sự hóa đối với việc cung cấp những lợi ích không chính đáng của một công chức hay những hành động hối lộ khác có ảnh hưởng đến đầu tư và thương mại quốc tế. Các bên cũng cam kết sẽ áp dụng hiệu quả các quy định và luật pháp về chống hối lộ. Hơn nữa, các bên đồng ý nỗ lực duy trì hoặc áp dụng các tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử của các công chức cũng như các biện pháp nhằm xác định và quản lý xung đột lợi ích, qua đó tăng cường đào tạo công chức, tránh việc xử dụng quà tặng, khuyến khích việc thông báo về các hành động hối lộ và có hình thức kỷ luật hoặc các biện pháp khác đối với các công chức có hành động hối lộ. Trong một Phụ lục của Chương này, các Bên TPP cũng đồng ý với các điều khoản thúc đẩy tính minh bạch và quy trình liên quan đến danh sách và các chi phí cho các sản phẩm dược phẩm hoặc các thiết bị y tế. Các cam kết trong phụ lục này không thuộc đối tượng của thủ tục giải quyết tranh chấp.

27. Các điều khoản về hành chính và thể chế

Chương về Các điều khoản hành chính và thể chế của TPP xây dựng một khung thể chế thông qua đó các Bên có thể đánh giá và hướng dẫn việc thực hiện hoặc hoạt động của Hiệp định, đặc biệt bằng việc thành lập Ủy ban TPP, bao gồm các Bộ trưởng hoặc các quan chức cấp cao, giám sát

hoạt động và quá trình thực thi Hiệp định và định hướng phát triển tương lai. Ủy ban này sẽ rà soát mối quan hệ kinh tế và đối tác giữa các bên theo định kỳ để đảm bảo duy trì liên kết chặt chẽ với những thách thức mà các bên gặp phải. Mọi sửa đổi cần có sự đồng thuận và kết luận thông qua các thủ tục pháp lý của các bên. Chương này cũng cung cấp thông tin về đầu mối liên lạc của các bên để tạo thuận lợi cho trao đổi và tạo ra một cơ chế để những bên có thời hạn chuyển đổi cụ thể đối với một nghĩa vụ nào đó có thể báo cáo về tiến trình thực hiện và định hướng nhằm đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các nghĩa vụ.

28. Giải quyết tranh chấp

Chương về Giải quyết tranh chấp có mục tiêu nhanh chóng giúp đỡ các bên giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Hiệp định TPP. Các bên TPP có mục tiêu là giải quyết các tranh chấp thông qua tham vấn và khi cần thiết có thể thông qua các Ban hội thẩm công bằng, không thiên vị. Cơ chế giải quyết tranh chấp đề ra trong Chương này áp dụng cho toàn bộ Hiệp định TPP, trừ một số ít trường hợp đặc biệt. Công chúng có thể theo dõi tiến trình tố tụng từ thời điểm các đệ trình được công bố, công chúng cũng có thể theo dõi phiên điều trần và báo cáo cuối cùng của các Ban hội thẩm cũng sẽ được công bố. Các Ban hội thẩm cũng sẽ cân nhắc các bên cung cấp quan điểm tới vụ tranh chấp từ của các đơn vị phi chính phủ hoạt động trong lãnh thổ của bất kỳ bên tranh chấp nào. Các Bên TPP sẽ nỗ lực hết sức nhằm giải quyết tranh chấp thông qua hợp tác và tham vấn và được khuyến khích sử dụng các cơ chế giải quyết tranh

chấp khác nếu phù hợp. Trong trường hợp tham vấn thất bại, các bên có thể yêu cầu thành lập một Ban hội thẩm, được thành lập trong vòng 60 ngày kể từ khi có yêu cầu tham vấn hoặc 30 ngày đối với hàng hóa mau hỏng. Ban Hội thẩm sẽ bao gồm 3 chuyên gia độc lập về thương mại quốc tế và có liên quan tới lĩnh vực tranh chấp cùng với một quy trình thủ tục để chắc chắn rằng Ban Hội thẩm sẽ được thành lập trong một khoảng thời gian nhất định ngay cả khi các bên không thống nhất được về thành phần của Ban. Ban Hội thẩm sẽ tuân theo một quy tắc ứng xử chung nhằm đảm bảo tính thống nhất của cơ chế giải quyết tranh chấp. Ban Hội thẩm sẽ có một báo cáo ban đầu trong vòng 150 ngày kể từ khi thành viên cuối cùng của Ban được chỉ định hoặc 120 ngày trong trường hợp khẩn cấp, như là trường hợp liên quan tới các hàng hóa dễ hỏng. Báo cáo ban đầu này sẽ là báo cáo mật và các bên có thể nhận xét bổ sung. Báo cáo cuối cùng sẽ được hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày có báo cáo ban đầu và phải được công báo trong vòng 15 ngày nhưng các thông tin mật sẽ được giữ kín. Để đảm bảo các bên sẽ tuân thủ, Chương giải quyết tranh chấp cho phép sử dụng trả đũa thương mại (ví dụ như ngừng không cho hưởng lợi ích), nếu một bên không tuân thủ với nghĩa vụ của mình. Trước khi sử dụng biện pháp trả đũa thương mại, bên không tuân thủ có thể thảo luận hoặc yêu cầu một khoảng thời gian hợp lý để khắc phục các vi phạm của mình.

29. Ngoại lệ

Chương về Ngoại lệ mang lại các linh hoạt cho các bên trong Hiệp định TPP để đảm bảo đầy đủ quyền lợi chung,

bao gồm lợi ích an ninh cơ bản và các phúc lợi công. Chương này kết hợp các ngoại lệ chung trong Điều XX của Hiệp định chung về Thương mại và thuế quan 1994 cho các điều khoản liên quan tới hàng hóa thương mại, theo đó Hiệp định TPP sẽ không ngăn cản các bên áp dụng hoặc thực thi các biện pháp cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng, bảo vệ đời sống hoặc sức khỏe con người, động hoặc thực vật, bảo vệ sở hữu trí tuệ, thực thi các biện pháp liên quan tới các sản phẩm của lao động tù nhân, để bảo vệ tài sản quốc gia giá trị nghệ thuật, lịch sử, hoặc khảo cổ và bảo tồn các nguồn tài nguyên bị cạn kiệt. Chương này cũng bao gồm các ngoại lệ chung tương tự như trong Điều XIV của Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ liên quan tới các điều khoản liên quan tới thương mại dịch vụ. Chương này bao gồm cả ngoại lệ về tự đánh giá áp dụng chung cho toàn bộ Hiệp định TPP, theo đó một bên có thể sử dụng các biện pháp mà họ thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh cơ bản. Chương này cũng xác định các hoàn cảnh cụ thể và điều kiện mà theo đó một bên có thể áp dụng các biện pháp tự vệ tạm thời (ví dụ như kiểm soát vốn) để hạn chế giao dịch - ví dụ như góp vốn, chuyển lợi nhuận và cổ tức, thanh toán lãi hoặc tiền bản quyền - đối với các khoản đầu tư, để đảm bảo chính phủ duy trì linh hoạt để quản lý dòng vốn biến động, bao gồm bối cảnh của cán cân thanh toán hoặc các khủng hoảng kinh tế khác. Hơn nữa, chương này cũng xác định rõ rằng trong Hiệp định TPP không bên nào bị ép buộc phải cung cấp thông tin nếu đi ngược lại quy định pháp luật trong nước hoặc lợi ích cộng đồng, hoặc phương hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của doanh nghiệp cụ thể.

30. Các điều khoản cuối cùng

Chương về Các điều khoản cuối cùng là về những hình thức mà Hiệp định TPP sẽ có hiệu lực, những hình thức sửa đổi cam kết, những quy tắc xây dựng tiến trình để các nước và vùng lãnh thổ khác có thể gia nhập TPP sau này, các hình thức rút ra khỏi Hiệp định và ngôn ngữ chính được xử dụng để công bố. Chương này nhằm đàm bảo các cam kết trong Hiệp định TPP có thể được sửa đổi, nhưng chỉ sau khi mỗi bên đã hoàn tất thủ tục trong nước và nộp lưu chiểu. Chương này cũng quy định rõ rằng Hiệp định TPP mở cho các nước thuộc thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương và những quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác gia nhập nếu được các bên đồng thuận. Hiệp định TPP sẽ có hiệu lực theo các thủ tục cần thiết được quy định tại Chương này. Chương về các điều khoản cuối cùng cũng quy định rõ quy trình để một bên có thể rút ra khỏi Hiệp định, chỉ định một cơ quan lưu chiểu để tiếp nhận và cung cấp tài liệu, và cũng xác định tiếng Anh, Tây Ban Nha và Pháp là những ngôn ngữ chính đồng thời được sử dụng cho Hiệp định.